



Mục lục

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

3 PHÙNG HỮU PHÚ:

Quan điểm chỉ đạo và quan điểm phát triển trong văn kiện Đại hội XIII

15 TẠ NGỌC TẤN:

Đổi mới, nâng cao chất lượng chương trình nghiên cứu khoa học lý luận chính trị

30 VŨ VĂN HIỀN:

Nâng cao chất lượng các cuộc hội thảo, trao đổi lý luận giữa Đảng ta với các đảng cộng sản và các đảng cầm quyền trên thế giới

37 NGUYỄN VIẾT THÔNG:

Những nhận thức lý luận mới về xây dựng Đảng trong văn kiện Đại hội XIII

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

50 NGUYỄN QUANG THUẤN:

Phải chăng chính sách đối ngoại giữ vững độc lập, tự chủ trong hội nhập quốc tế tại Đại hội XIII của Đảng chỉ là lý thuyết, phi thực tế?

62 NGUYỄN VĂN THẠO:

Bị đặt, bôi nhọ đời tư của cán bộ lãnh đạo - một thủ đoạn thâm độc của các thế lực chống đối, thù địch

THÔNG TIN - TƯ LIỆU

71 Hội thảo “Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với công tác lý luận trong giai đoạn tới”



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIII

● GS, TS PHÙNG HỮU PHÚ

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương



Đoàn Chủ tịch phiên họp trụ bị Đại hội XIII của Đảng _ Ảnh: TTXVN

1. Về quan điểm chỉ đạo

Những đại hội Đảng gần đây, trong Báo cáo chính trị thường không trình bày các quan điểm chỉ đạo. Tại Đại hội lần thứ XI của Đảng, *Báo cáo chính trị*, sau khi khẳng định tư tưởng: “Tiếp tục đổi mới toàn diện, mạnh mẽ theo con đường xã hội chủ nghĩa”¹, trình bày ngay mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm (2011-2015), không trình bày quan điểm chỉ đạo. Năm quan điểm phát triển được trình bày trong *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020*². Trong các văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng, *Báo cáo chính trị* không có nội dung trình bày riêng về quan điểm chỉ đạo; *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 và phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020* nêu 4 quan điểm phát triển kinh tế - xã hội; *Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về tổng kết thi hành Điều lệ Đảng khóa XI và đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng khóa XII (nếu có)* trình bày 3 quan điểm chỉ đạo³.

Đại hội lần thứ XIII của Đảng là Đại hội mở đầu thập niên thứ ba của thế kỷ XXI trong bối cảnh tình hình quốc

tế diễn biến rất nhanh, phức tạp, có nhiều đột biến khó dự báo, tác động thường xuyên, trực tiếp đến nước ta, tạo ra đồng thời cả thuận lợi, thời cơ lớn đan xen với không ít khó khăn, thách thức gay gắt. Đại hội XIII của Đảng có sứ mệnh định hướng phát triển đất nước từ nay đến năm 2025, đến năm 2030 với tầm nhìn 2045 gắn với hai sự kiện trọng đại: 100 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1930-2030), 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1945-2045). Cán bộ, đảng viên, nhân dân hy vọng, tin tưởng Đại hội Đảng lần này sẽ đề ra những chủ trương, quyết sách sáng suốt, đúng đắn, đưa đất nước bước vào thời kỳ phát triển mới. Xuất phát từ tầm vóc và ý nghĩa quan trọng của Đại hội lần thứ XIII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII thống nhất rất cao phải xây dựng một hệ quan điểm chỉ đạo trong *Báo cáo chính trị* và hệ quan điểm phát triển trong *Báo cáo tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020, xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030*.

a. Hệ quan điểm chỉ đạo trong Báo cáo chính trị trình Đại hội lần thứ XIII của Đảng

Báo cáo chính trị nêu hệ quan điểm chỉ đạo với 5 quan điểm cơ bản, nhấn mạnh quan điểm có tính nguyên tắc và các quan điểm về chiến lược tổng thể phát triển đất nước, về động lực và nguồn lực phát triển, về nhân tố hàng đầu quyết định thành công. Hệ quan điểm được kết cấu chặt chẽ, có quan hệ mật thiết với nhau, tạo thành một hệ quan điểm thống nhất, bao quát những tư tưởng chỉ đạo lớn đối với toàn bộ công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước trong thời kỳ mới.

(1) Quan điểm nhất quán có tính nguyên tắc

Nhận thức sâu sắc sự nguy hại và hậu quả nghiêm trọng của việc xa rời nền tảng tư tưởng, mục tiêu, đường lối cách mạng, từ bỏ nguyên tắc xây dựng Đảng dẫn đến sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên bang Xô Viết và các nước Đông Âu; từ bài học thành công của cách mạng nước ta, nhất là thành công trong những thời điểm cách mạng chuyển giai đoạn hoặc gặp nhiều khó khăn, thử thách; từ nguyên nhân dẫn đến tình trạng suy thoái tư

tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên ở nước ta hiện nay, Báo cáo chính trị đặt lên hàng đầu quan điểm:

Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đây là quan điểm có tính nguyên tắc, bất di bất dịch, thể hiện bản lĩnh vững vàng của Đảng. Cốt lõi của quan điểm này là kết hợp khoa học sự kiên định trước sau như một nền tảng tư tưởng, mục tiêu lý tưởng, đường lối đổi mới và nguyên tắc xây dựng Đảng với tinh thần không ngừng đổi mới, sáng tạo trên cơ sở tuân theo các qui luật khách quan, kế thừa tinh hoa văn hóa, truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và những kinh nghiệm thành công của quốc tế phù hợp với điều kiện Việt Nam. Kiên định nhưng không cứng nhắc, bảo thủ, giáo điều dẫn đến trì trệ; đổi mới, sáng tạo nhưng không cực đoan, duy ý chí, mạo hiểm, dẫn đến đổ

võ. Kiên định một cách sáng tạo, sáng tạo một cách kiên định theo phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh: nhạy bén nắm bắt diễn biến lịch sử, chủ động tranh thủ thời cơ, giữ vững nguyên tắc và mạnh dạn sáng tạo, kịp thời đổi mới, gắn liền lý luận với thực tiễn⁴.

(2) *Quan điểm về chiến lược tổng thể phát triển đất nước nhanh, bền vững*

Công cuộc đổi mới đã trải qua 35 năm, ngày càng đi vào chiều sâu, đòi hỏi phải triển khai toàn diện, đồng bộ hơn các nhiệm vụ trên các lĩnh vực, các địa bàn, nhất là trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu hướng toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, liên kết chặt chẽ các quốc gia, hướng đến những giá trị chung. Đất nước cần và có thể phát triển nhanh, bền vững hơn vì lợi ích cao nhất của quốc gia - dân tộc phù hợp với lợi ích chung của nhân loại. Muốn vậy, phải xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển tổng thể đất nước, vừa bảo đảm tính toàn diện, vừa tập trung vào những lĩnh vực, nhiệm vụ cốt yếu, tạo thành sự gắn kết đồng bộ, thống nhất, hiệu quả của toàn bộ công cuộc đổi mới, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Báo cáo chính trị xác định quan điểm:

Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên.

(3) *Quan điểm về động lực phát triển*

Xác định đúng để phát huy mạnh mẽ động lực phát triển đất nước là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng, tạo nên sức mạnh và sức bật của đất nước. Động lực có nhiều dạng thức, có động lực vật chất, động lực tinh thần; có động lực tồn tại lâu dài, có động lực mới xuất hiện; có động lực cụ thể trong từng lĩnh vực, trên từng địa bàn, có động lực chung thúc đẩy các lĩnh vực trên phạm vi cả nước...

Xác định động lực phát triển, Báo cáo chính trị Đại hội XII của Đảng chỉ rõ: “Nhận thức đúng và xử lý tốt các nhân tố tạo thành *động lực tổng hợp để đổi mới và hội nhập*: kết hợp hài hòa các lợi ích; phát huy lòng yêu nước,

tinh thần dân tộc, phát huy dân chủ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy nhân tố con người; vai trò của khoa học, công nghệ...”⁵. Kế thừa định hướng của Đại hội XII, bổ sung những nhân tố động lực mới, Báo cáo chính trị Đại hội XIII hoàn thiện quan điểm về động lực phát triển đất nước trong thời kỳ mới:

Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững.

So với trước đây, nhận thức của Đảng về động lực phát triển được nâng lên tầm mức mới. Về nhân tố dân tộc, đồng thời với lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, Báo cáo chính trị nhấn mạnh ý chí tự

cường, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc - nguồn năng lượng nội sinh to lớn và động lực trung tâm của quốc gia - dân tộc trên con đường đi tới tương lai⁶. Về nhân tố chính trị, kế thừa vấn đề phát huy dân chủ, Báo cáo chính trị bổ sung vấn đề bồi dưỡng sức dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. Nhân tố con người được gắn kết với nhân tố văn hóa, được bổ sung nội dung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút, trọng dụng nhân tài. Nhân tố khoa học - công nghệ được đề cao, nhấn mạnh, gắn với thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

(4) Quan điểm về nguồn lực phát triển

Huy động, sử dụng, phát huy hiệu quả các nguồn lực là điều kiện tiên quyết cho phát triển đất nước. Nguồn lực quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế cần được nhìn nhận theo tư duy và cách tiếp cận mở, gắn nguồn lực trong nước với nguồn lực ngoài nước theo tinh thần giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy tự lực, tự cường đồng thời tích cực, chủ động hội nhập quốc tế, kết hợp hài hòa nội lực

và ngoại lực, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Cần tránh hai khuynh hướng, vọng ngoại, quá trông chờ, chú trọng, dẫn tới lệ thuộc vào nguồn lực bên ngoài; hoặc biệt lập, tuyệt đối hóa vấn đề tự lực cánh sinh, đề cao một chiều nguồn lực trong nước, tách rời nguồn lực trong nước với nguồn lực nước ngoài. Với tư duy biện chứng và từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, trực tiếp là kinh nghiệm đổi mới, hội nhập quốc tế, Báo cáo chính trị xác định quan điểm về nguồn lực phát triển đất nước trong thời kỳ mới:

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất.

(5) *Quan điểm về những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công*

Từ thực tiễn phong phú của cách mạng nước ta, trong Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) Đảng đúc kết những bài học kinh nghiệm lớn, trong đó nhấn mạnh bài học thứ năm: "...sự lãnh đạo đúng

đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam"⁷. Nhiệm kỳ Đại hội XI, đặc biệt là nhiệm kỳ Đại hội XII, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được đẩy mạnh toàn diện, thu được nhiều kết quả nổi bật. Nhận thức lý luận về xây dựng Đảng được bổ sung, hoàn thiện. Năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng, trước hết gắn liền với tăng cường bản chất giai cấp công nhân, bản chất cách mạng, khoa học của Đảng, với xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức. Đồng thời, nhiệm vụ then chốt này không thể tách rời với hai nhiệm vụ chính trị rất quan trọng: *Một là*, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, trọng tâm là xây dựng Nhà nước; *Hai là*, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ cấp cấp chiến lược đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Xây dựng Đảng gắn liền với xây dựng hệ thống chính trị, với xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên là 3 khâu thống nhất, gắn bó chặt chẽ, tạo thành sức mạnh chính trị to lớn, có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Những nhận thức sâu sắc đúc kết từ thực tiễn xây dựng

Đảng đã được khái quát thành quan điểm thứ năm:

Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phát huy bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, xây dựng Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với tinh giảm biên chế, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

b. Hệ quan điểm phát triển trong Báo cáo về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

Quán triệt tinh thần và cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo được xác định trong Báo cáo chính trị Đại hội XIII; kế thừa, phát triển những quan điểm phát triển được trình bày trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 và những quan điểm phát triển kinh tế -

xã hội được nêu trong Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; trên cơ sở những bài học kinh nghiệm đúc kết từ thực tiễn 10 năm qua, trực tiếp là 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, Báo cáo Tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020, xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 trình bày 5 quan điểm phát triển: quan điểm phát triển bền vững; quan điểm về thể chế phát triển; về nguồn lực con người; về xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; về sức mạnh tổng hợp quốc gia trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc...

(1) Quan điểm phát triển nhanh, bền vững

Tư tưởng phát triển nhanh, bền vững đã được xác định từ Đại hội XI, Đại hội XII với nội dung cốt lõi là: phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu; phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh; ổn định kinh tế vĩ mô, không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát triển kinh tế gắn kết chặt chẽ với phát triển

văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững hòa bình, ổn định để xây dựng đất nước⁸.

Những năm gần đây, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển rất nhanh, tác động ngày càng sâu rộng đến các nước, tạo ra nhiều đột biến, nhiều thời cơ và thách thức đối với tất cả các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với nước ta, Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành một số chủ trương, chính sách chủ động, tích cực tham gia cuộc cách mạng này, xem đây là giải pháp đột phá để Việt Nam phát triển bút phá⁹. Vận dụng tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị kết hợp với phân tích, dự báo xu thế phát triển chung của thế giới, Báo cáo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đã đưa ra quan điểm phát triển nhanh, bền vững với tư duy và cách tiếp cận mới:

Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp

lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số, coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh. Phát huy tối đa lợi thế của các vùng, miền; phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu; quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng, chính sách, người có công, người nghèo, người yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số.

(2) *Quan điểm về thể chế phát triển*

Mười năm trước, trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, khi xác định quan điểm về thể chế phát triển, Đại hội XI của Đảng nhấn mạnh yêu cầu đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương...¹⁰. Đại hội XII, khi xác định quan điểm phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, Đảng nhấn mạnh yêu cầu tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế

thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mấu chốt là làm rõ và giải quyết hiệu quả quan hệ Nhà nước - thị trường¹¹.

Trước những yêu cầu, đòi hỏi mới của thực tiễn, Báo cáo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trình Đại hội XIII bổ sung nhiều nhận thức, định hướng mới trong quan điểm về thể chế phát triển, nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, hình thành các mô hình kinh tế mới, phát triển các khu vực kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân... Báo cáo xác định:

Lấy cải cách, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập và thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả là điều kiện tiên quyết thúc đẩy phát triển đất nước. Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực sản xuất, nhất là đất đai. Hệ thống pháp luật phải thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới. Phải coi trọng hơn quản lý phát triển xã hội; mở rộng dân chủ phải gắn với giữ vững kỷ luật, kỷ cương. Phát triển

nhANH, hài hòa các khu vực kinh tế và các loại hình doanh nghiệp; phát triển kinh tế tư nhân thực sự là một động lực quan trọng của nền kinh tế.

(3) *Quan điểm về nguồn lực con người*

Đề cao nhân tố con người, đặt con người vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển là tư tưởng nhất quán của Đảng. Kế thừa và phát triển quan điểm được trình bày trong *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020*: “Mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người; coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển”¹²; quán triệt sâu sắc tư tưởng chủ đạo của Đại hội XIII là phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, Báo cáo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030 bổ sung, làm sâu sắc, phong phú hơn quan điểm về nguồn lực con người:

Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí tự cường và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực chủ yếu và mục tiêu

của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững. Phải có cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước; mọi chính sách của Đảng, Nhà nước đều phải hướng vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của nhân dân.

(4) Quan điểm về xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định 8 mối quan hệ lớn phản ánh qui luật đổi mới, phát triển ở Việt Nam, trong đó có quan hệ “giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế”¹³. Quán triệt tinh thần Cương lĩnh, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 xác định quan điểm “Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng”¹⁴. Đến Đại hội XII, trong Báo cáo phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, quan điểm này được cụ thể hóa, nhấn mạnh yêu cầu tự chủ kinh tế: “Phát huy cao nhất các nguồn lực trong nước, đồng thời chủ động hội nhập quốc tế, huy động và sử dụng có hiệu quả các

nguồn lực bên ngoài để phát triển nhanh, bền vững. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển doanh nghiệp Việt Nam, nhất là doanh nghiệp tư nhân, là động lực nâng cao sức cạnh tranh và tính tự chủ của nền kinh tế”¹⁵.

Bước vào thập niên thứ ba của thế kỷ XXI, tuy gặp nhiều trở ngại, thách thức, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế vẫn tiếp tục tiến triển, ngày càng sâu rộng trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cạnh tranh giữa các nước, nhất là các nước lớn, diễn ra gay gắt, quyết liệt. Kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng trầm trọng do tác động của đại dịch Covid 19... Để phát triển nhanh, bền vững, tất yếu phải đồng thời tăng cường hội nhập quốc tế và giữ vững độc lập, tự chủ, trước hết là tự chủ về kinh tế. Báo cáo Chiến lược phát triển kinh tế 10 năm 2021-2030 tiếp tục nhấn mạnh và hoàn thiện quan điểm về xây dựng nền kinh tế tự chủ phù hợp với tình hình, yêu cầu mới:

Xây dựng nền kinh tế tự chủ phải trên cơ sở làm chủ công nghệ và chủ động, tích cực hội nhập, đa dạng hóa thị trường, nâng cao khả năng thích ứng của nền kinh tế. Phải hình thành năng lực sản xuất quốc gia mới có tính tự chủ, tham

gia hiệu quả, cải thiện vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu và khả năng chống chịu hiệu quả trước tác động lớn, bất thường từ bên ngoài. Phát huy nội lực là yếu tố quyết định gắn với ngoại lực và sức mạnh thời đại. Không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế, phát triển lực lượng doanh nghiệp của người Việt Nam ngày càng vững mạnh và huy động sức mạnh tổng hợp của đất nước, nâng cao hiệu quả và lợi ích do hội nhập quốc tế mang lại.

(5) *Quan điểm về phát huy sức mạnh tổng hợp quốc gia trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc*

Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược cơ bản, quan trọng hàng đầu của cách mạng Việt Nam, được thể hiện nhất quán trong các văn kiện của Đảng. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một trong các mối quan hệ lớn phản ánh quy luật phát triển, đổi mới¹⁶. Tư tưởng chỉ đạo này được thể hiện rõ nét trong quan điểm phát triển nhanh, bền vững nêu trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020 và trong Báo cáo phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020.

Những năm gần đây, tình hình thế giới, khu vực diễn biến rất phức tạp.

Hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng gặp nhiều thách thức, trở ngại; chạy đua vũ trang, xung đột cục bộ, tranh chấp quyền, quyền chủ quyền lãnh thổ, trong đó, nổi lên là tranh chấp chủ quyền biển, đảo mà Biển Đông là một điểm nóng, có chiều hướng gia tăng. Đối với Việt Nam, các thế lực thù địch, phản động tăng cường các hoạt động chống phá. Từ thực tiễn hiện nay và dự báo tình hình sắp tới, Đại hội XIII tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu vừa cấp bách vừa lâu dài: kiên định, kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ gắn với giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Quán triệt tinh thần đó, Báo cáo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trình bày một quan điểm riêng về phát huy sức mạnh tổng hợp quốc gia nhằm thực hiện thành công Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới:

Chủ động, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại;

giữ vững an ninh chính trị; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của Nhân dân.

Nhìn tổng quát, Văn kiện Đại hội XIII đặc biệt chú trọng xây dựng hệ quan điểm chỉ đạo, phát triển, do vậy tầm định hướng và dẫn dắt được nâng lên. Hai hệ quan điểm trình bày ở hai văn kiện, do tính chất, yêu cầu khác nhau nên nội dung cụ thể không trùng lặp, hệ quan điểm chỉ đạo trong Báo cáo chính trị có tầm bao quát chung, rộng hơn; hệ quan điểm phát triển

trong Báo cáo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 cụ thể hơn, định hướng cho các lĩnh vực chủ yếu. Song về tư tưởng, hai hệ quan điểm là thống nhất, đều hướng vào thực hiện mục tiêu chung mà Đại hội đã xác định. Quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc, hiệu quả hệ quan điểm chỉ đạo và hệ quan điểm phát triển là nhân tố quan trọng tạo nên sự thống nhất cao về tư tưởng, nhận thức, hành động và quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội ■

1, 2, 7, 8, 10, 12, 13, 14, 16 ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.185, 98-102, 66, 270, 99-100, 100, 73, 102, 18.

3, 5, 11, 15 ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.269-271, 352-353, 76, 269, 270-271.

⁴ Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - tinh hoa và khí phách của dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.219.

⁶ Phùng Hữu Phú: *Khát vọng phát triển đất nước và đổi mới sáng tạo – điểm nhấn của Đại hội lần thứ XII của Đảng*, Tạp chí Cộng sản, số 935 (11-2020), tr.33.

⁹ Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27-9-2019 của Bộ Chính trị “Về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”, Tài liệu lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

● GS, TS TẠ NGỌC TẤN

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

Chương trình Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị (gọi tắt là Chương trình) của Hội đồng Lý luận Trung ương có nhiệm vụ:

1. Góp phần cụ thể hóa và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội của Đảng và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong mỗi nhiệm kỳ Đại hội Đảng.

2. Góp phần tổng kết thực tiễn, làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận nhằm cung cấp cơ sở cho việc định hướng chính sách của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn mới.

3. Bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm góp phần phục vụ trực tiếp, kịp thời cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và phục vụ cho việc hoạch định đường lối, xây dựng các văn kiện trình Đại hội của Đảng khóa

tiếp theo.

Do ý nghĩa to lớn và tầm quan trọng đặc biệt ấy, việc đổi mới các khâu công việc, nâng cao chất lượng kết quả nghiên cứu của Chương trình là một trong số các vấn đề sống còn, cần được ưu tiên hàng đầu trong các công việc của Hội đồng Lý luận Trung ương trong thời gian tới.

1. Đổi mới, nâng cao chất lượng về định hướng nội dung nghiên cứu

Muốn bảo đảm chất lượng, hiệu quả của Chương trình nghiên cứu, yêu cầu đầu tiên là phải xác định đúng định hướng nội dung nghiên cứu và hệ thống các đề tài cụ thể trong định hướng chung ấy. Nghĩa là, định hướng nội dung và hệ thống các đề tài nghiên cứu của Chương trình nghiên cứu khoa học lý luận chính trị phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Thứ nhất, định hướng nội dung và các đề tài phải phục vụ trực tiếp cho các nhiệm vụ đặt ra cho Chương trình là góp phần triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng, phục vụ cho việc xây dựng văn kiện, hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương Đảng;

Thứ hai, định hướng nội dung và hệ thống các đề tài trong Chương trình phải là các vấn đề lý luận, gắn với nền tảng tư tưởng của Đảng, của chủ nghĩa xã hội cần được tiếp tục nhận thức sâu sắc hơn, làm sáng tỏ hơn về vai trò, ý nghĩa đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước hiện nay hoặc cần phải có cách tiếp cận mới, phát triển sang tạo phù hợp hơn với bối cảnh tình hình thời đại và điều kiện hiện tại của đất nước;

Thứ ba, định hướng nội dung và hệ thống các đề tài trong Chương trình phải là các vấn đề mới do thực tiễn cách mạng đặt ra và đòi hỏi giải đáp về lý luận, hoặc những vấn đề đã tồn tại trong thực tiễn nhưng chưa được giải đáp đầy đủ, có sức thuyết phục về lý luận, hoặc vấn đề cũ trong thực tế

nhưng do bối cảnh thực tế đã thay đổi, đòi hỏi phải có cách tiếp cận, lý giải mới hợp lý.

Nội dung hệ thống các đề tài của Chương trình bao gồm 2 phần: Các đề tài do Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương đặt hàng trực tiếp và các đề tài do Hội đồng Lý luận Trung ương nghiên cứu đề xuất. Thông thường, các đề tài do Hội đồng Lý luận Trung ương đề xuất bao giờ cũng chiếm tỷ lệ lớn. Toàn bộ hệ thống các đề tài trong Chương trình được Bộ Chính trị xem xét, cho ý kiến trước khi báo cáo với Bộ Khoa học và Công nghệ để triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện Chương trình, có thể bổ sung một số đề tài do yêu cầu mới đặt ra.

Cho dù mục đích và yêu cầu đặt ra cho việc định hướng nội dung của Chương trình đã rất rõ ràng, xong việc xác định hệ thống các đề tài và yêu cầu nội dung nghiên cứu cụ thể cho từng đề tài vẫn là một công việc khó khăn, đòi hỏi tính khoa học, tính thực tiễn và ở tầm lý luận, đường lối. Mặt khác, đây cũng là yếu tố đầu tiên quyết định chất lượng, hiệu quả của cả Chương trình, vì thế càng cần phải đầu tư để bảo đảm tốt nhất các yêu

cầu. Theo kinh nghiệm xây dựng hệ thống đề tài của các giai đoạn trước và phù hợp với phương pháp khoa học nói chung, việc xác định đề tài, hệ thống đề tài cần dựa trên các cơ sở: Đường lối của Đảng, thực tiễn cách mạng, bối cảnh trong nước và thế giới, ý kiến của các nhà khoa học, các nhà lãnh đạo, quản lý. Tương tự với các cơ sở ấy, cần đổi mới phương pháp tiếp cận, cách thực thực hiện để làm tốt các khâu công việc quan trọng nhằm xác định đúng các đề tài nghiên cứu cho Chương trình.

Thứ nhất, nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng về các lĩnh vực, từ xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị, đến phát triển kinh tế, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, quan hệ quốc tế. Qua nghiên cứu để nắm bắt được những mục tiêu, yêu cầu đặt ra và những vấn đề lý luận cần phải nghiên cứu nhằm phục vụ việc thực hiện các mục tiêu, yêu cầu đó. Đây là khâu công việc rất quan trọng, đòi hỏi sự công phu, hệ thống, có cách nhìn hệ thống, khái quát hệ thống đường lối của Đảng trong cả tiến trình cách mạng, đồng thời nghiên cứu sâu để nhận thức rõ quan

điểm, nội dung, yêu cầu các vấn đề đường lối đặt ra trong giai đoạn mới. Trên cơ sở ấy mới có thể đề xuất được những nội dung nghiên cứu đúng đắn, cần thiết cho Chương trình.

Thứ hai, việc nghiên cứu thực tế ở các địa phương cần chú ý đến các địa bàn đại diện cho các vùng, các khu vực của đất nước. Nghiên cứu các mô hình, điển hình tiên tiến về tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, đồng thời nghiên cứu những địa phương, đơn vị, cơ sở có nhiều khó khăn, tình hình phức tạp, tìm ra những nguyên nhân, điều kiện ảnh hưởng đến sự phát triển của địa phương, đơn vị đó. Từ nghiên cứu, khảo sát thực tế ở các địa phương, các cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, không chỉ nhằm nắm bắt đặc điểm, tình hình thực trạng, các yếu tố tác động và nguyên nhân dẫn đến thành công, hạn chế, mà quan trọng hơn, cần làm rõ đặc điểm chung mang tính khái quát của các mô hình tiên tiến, các nguyên nhân phổ biến và đặc thù dẫn đến những hạn chế, những vấn đề đặt ra về đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước đối với các loại mô

hình đó. Đó chính là cơ sở thực tế gợi ý cho việc xác định một số đề tài nghiên cứu cần thiết.

Thứ ba, nghiên cứu bối cảnh trong nước và thế giới có ý nghĩa kép, là cơ sở cho việc xác định một số đề tài về các vấn đề quan hệ quốc tế, cũng là cơ sở để xây dựng các đề tài và xác định yêu cầu, nội dung, mục tiêu cho các đề tài về các lĩnh vực khác. Đối với bối cảnh trong nước, cần nghiên cứu kỹ các nội dung về đánh giá tình hình trong nước trong văn kiện chính thức của Đảng, Nhà nước, các kết quả nghiên cứu của các tổ chức khoa học. Đồng thời, tìm hiểu toàn diện các nhận định, đánh giá của các chuyên gia, các tổ chức quốc tế về tình hình và các vấn đề của Việt Nam. Đối với bối cảnh thế giới, chủ yếu là nghiên cứu các tài liệu, trong trường hợp điều kiện cho phép, có thể đi nghiên cứu, khảo sát ở một số quốc gia điển hình cho khu vực hoặc cho các mô hình phát triển của thế giới.

Thứ tư, lấy ý kiến các nhà khoa học, chuyên gia, cán bộ lãnh đạo quản lý lâu năm, có nhiều kinh nghiệm nhằm thu thập, chọn lọc các ý tưởng và xác định các đề tài nghiên

cứu. Mặt khác, thông qua ý kiến các nhà khoa học, các chuyên gia nhằm cân nhắc, đánh giá lại hệ thống các đề tài, bảo đảm sự đúng đắn, chính xác, hợp lý. Đồng thời, các nhà khoa học, các chuyên gia cũng chính là những lực lượng không thể thiếu để đề xuất và xác định nội dung yêu cầu, mục tiêu cần đạt được đối với từng đề tài nghiên cứu cụ thể. Việc tập hợp, lựa chọn được đội ngũ nhà khoa học, chuyên gia mạnh để tham gia giải quyết các khâu công việc trong quá trình xác định định hướng nội dung và hệ thống các đề tài là yếu tố đầu tiên có ý nghĩa quyết định đối với chất lượng, hiệu quả toàn bộ Chương trình nghiên cứu.

2. Đổi mới, nâng cao chất lượng lựa chọn, tổ chức lực lượng nghiên cứu

Sau khi đã xác định được định hướng nội dung và hệ thống đề tài, yếu tố thứ hai quyết định sự thành bại và chất lượng của Chương trình chính là việc lựa chọn các cơ quan chủ trì, đội ngũ các nhà khoa học làm chủ nhiệm và lực lượng nhân sự tham gia tổ chức nghiên cứu các đề tài. Kinh nghiệm tổ chức thực hiện và kết quả nghiên cứu của các nhiệm kỳ trước cho thấy, nếu

lựa chọn không tốt các cơ quan chủ trì, các chủ nhiệm đề tài và đội ngũ cán bộ tham gia đề tài sẽ dẫn đến những hạn chế không nhỏ, ảnh hưởng nhiều mặt đến toàn bộ hoạt động của Chương trình. Các hạn chế của khâu công việc này thường thể hiện ở các trường hợp cụ thể như:

(1) *Cơ quan chủ quản* thiếu trách nhiệm trong việc tham gia quản lý, thiếu sự hợp tác chặt chẽ với chủ nhiệm đề tài trong các khâu công việc, nhất là các thủ tục hành chính, thủ tục giải ngân;

(2) *Chủ nhiệm đề tài* thiếu năng lực chuyên môn, năng lực tổ chức thực hiện, quản lý điều hành các hoạt động nghiên cứu, hoặc quá bận trong công tác chuyên môn của cơ quan, đơn vị, không dành đủ thời gian thích đáng cho các công việc của đề tài;

(3) *Một số thành viên chủ chốt trong ban chủ nhiệm đề tài* hạn chế năng lực chuyên môn khoa học hoặc thiếu kỹ năng giải quyết các công việc cụ thể trong qua trình tổ chức thực hiện đề tài. Thường thấy nhất là trường hợp thư ký hành chính không có chuyên môn kế toán, tài vụ, không nắm vững các chính sách, chế độ tài chính, thiếu

kinh nghiệm về giải ngân trong hoạt động khoa học.

Những hạn chế trên đây dẫn đến hậu quả là:

(1) *Các đề tài khó khăn, lúng túng trong triển khai thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu*: Sự lúng túng thể hiện ngay từ các khâu xây dựng đề cương nghiên cứu; cụ thể hóa các yêu cầu, mục tiêu thành các nhiệm vụ nghiên cứu; xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch hằng năm thực hiện đề tài; phân công, phân nhiệm cho các thành viên trong Ban Chủ nhiệm; đến việc quản lý, điều hành các hoạt động hành chính của đề tài; xử lý các công việc liên quan đến việc giải ngân... Chủ nhiệm đề tài khó khăn trong việc tìm kiếm và lựa chọn các nhà khoa học có năng lực chuyên môn.

(2) *Không bảo đảm tiến độ thực hiện các đề tài*: Do hạn chế của các khâu công việc về tổ chức, nhân sự mà các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể như: Các chuyên đề nội dung, các cuộc hội thảo, tọa đàm, các cuộc điều tra xã hội học, các cuộc nghiên cứu thực tế trong và ngoài nước, các báo cáo chất lượng kết quả nghiên cứu (báo cáo trung gian 6 tháng/lần)... không bảo đảm

thời gian theo kế hoạch. Sự chậm trễ trong các khâu công việc cụ thể này kéo theo sự chậm trễ của toàn bộ kế hoạch thực hiện đề tài. Kết quả là một số đề tài phải kéo dài thời gian thực hiện. (Các nhiệm kỳ trước năm 2015, có đề tài kéo dài nhiều năm). Việc không bảo đảm về tiến độ sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả, nhất là sự đóng góp của đề tài vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị chung của cả Chương trình.

(3) *Chất lượng của đề tài không bảo đảm*: Trước hết là chất lượng các báo cáo chất lọc mỗi 6 tháng không phản ánh được kết quả thực chất của nghiên cứu hoặc chỉ là những ý tưởng, suy nghĩ không mới, chưa được được kiểm chứng, không có ý nghĩa lý luận, ý nghĩa thực tiễn. Đặc biệt, kết quả tổng hợp sau khi kết thúc nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài có ít điểm mới, lặp lại những ý tưởng, luận điểm cũ hay kết quả nghiên cứu của các đề tài trước, các công trình nghiên cứu đã có, các giải pháp thường chung chung, có tính chất nguyên tắc, không dựa vào kết quả nghiên cứu và không thể thực hiện có hiệu quả trên thực tế.

Từ thực tế trên đây, có thể thấy việc đổi mới, nâng cao chất lượng trong việc lựa chọn cơ quan chủ trì, các nhà khoa học làm chủ nhiệm và các thành viên chủ chốt của Ban chủ nhiệm các đề tài là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng. Vậy những nội dung cần đổi mới và nâng cao chất lượng trong các khâu công việc này là gì?

Thứ nhất, chọn các cơ quan chủ trì phải bảo đảm các yêu cầu: phù hợp về chuyên môn khoa học; có đội ngũ nhà khoa học, chuyên gia đủ về số lượng, tốt về năng lực khoa học và kinh nghiệm nghiên cứu; có kinh nghiệm và phương thức quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học; có kinh nghiệm và khả năng liên kết với các địa phương, tổ chức khoa học trong nước và ngoài nước. Đó là một trong số những điều kiện rất quan trọng, có ý nghĩa sống còn đối với chất lượng, hiệu quả của việc thực hiện các đề tài nghiên cứu của Chương trình.

Thứ hai, lựa chọn nhà khoa học làm Chủ nhiệm đề tài có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Để có thể lãnh đạo, tổ chức thực hiện tốt công việc nghiên cứu của đề tài, Chủ nhiệm phải là người có chuyên môn và am hiểu sâu sắc, phong

phụ về lĩnh vực liên quan đến đề tài; có khả năng tập hợp, sử dụng hợp lý, phát huy được năng lực khoa học, chuyên môn của đội ngũ các nhà khoa học, chuyên gia, nhân viên tham gia các khâu công việc của đề tài; có phương pháp và kinh nghiệm trong việc tổ chức, triển khai và quản lý quá trình thực hiện các công việc, công đoạn nghiên cứu; có năng lực làm việc theo nhóm, năng lực thiết lập và duy trì quan hệ làm việc với các đối tác khoa học, v.v..

Thứ ba, lựa chọn, tập hợp đội ngũ cán bộ tham gia đề tài và tổ chức, quản lý họ trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, công việc của đề tài. Có 2 loại cán bộ tham gia công việc của mỗi đề tài: các nhà khoa học, chuyên gia thực hiện các nội dung nghiên cứu; cán bộ làm thư ký hành chính chịu trách nhiệm về chi tiêu, thủ tục giải ngân và kế hoạch chung của đề tài. Các nhà khoa học, chuyên gia phải am hiểu sâu sắc về lĩnh vực chuyên môn, có kinh nghiệm nghiên cứu các đề tài khoa học từ cấp bộ trở lên. Hơn nữa, đó phải là những người nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc, có phương pháp công tác tốt, có

khả năng làm việc nhóm và có điều kiện về thời gian để thực hiện các công việc nghiên cứu được giao cho. Cán bộ làm thư ký hành chính phải là người hiểu biết hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội, nắm được các chính sách, chế độ Nhà nước về thu, chi tài chính, có khả năng làm việc với các cơ quan có liên quan về quản lý tài chính.

Đây là chức năng, nhiệm vụ của các Chủ nhiệm đề tài. Ban Chủ nhiệm Chương trình không cần và không thể trực tiếp làm thay các Chủ nhiệm đề tài. Tuy nhiên, Ban Chủ nhiệm Chương trình có thể hỗ trợ cho Chủ nhiệm đề tài bằng cách: Tư vấn về phương pháp, các tiêu chí, các điều kiện để lựa chọn, giới thiệu những nhà khoa học, chuyên gia có năng lực, có điều kiện tham gia để Chủ nhiệm đề tài lựa chọn; tư vấn cho Chủ nhiệm đề tài về phương pháp phân công thực hiện, quản lý công việc, tiến độ, đánh giá chất lượng các kết quả nghiên cứu.

3. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức, quản lý Chương trình

Cùng với việc xác định định hướng nội dung, xây dựng hệ thống các đề

tài, lựa chọn cơ quan chủ trì, lựa chọn chủ nhiệm và lực lượng tham gia thực hiện đề tài thì công tác tổ chức, quản lý cũng là một yếu tố quan trọng góp phần bảo đảm chất lượng, hiệu quả của Chương trình. Việc tổ chức, quản lý Chương trình gồm nhiều khâu công việc với nội dung, yêu cầu khác nhau, song cơ bản gồm các công việc sau: (1) Xây dựng quy chế, kế hoạch hoạt động của Chương trình; (2) Xây dựng, duy trì và bảo đảm tốt mối quan hệ giữa Ban Chủ nhiệm Chương trình với Thường trực Hội đồng, Bộ Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, tổ chức có liên quan; (3) Tổ chức đấu thầu, xét tuyển, lựa chọn các chủ nhiệm đề tài; (4) Tổ chức nghiên cứu, khảo sát thực tế trong và ngoài nước; (5) Tổ chức kiểm tra định kỳ; (6) Báo cáo chất lọc kết quả nghiên cứu; (7) Quản lý tài chính; (8) Tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả các đề tài; (9) Tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình. Trên cơ sở các yêu cầu đặt ra với Chương trình trong điều kiện mới hiện nay, cần rút kinh nghiệm công tác tổ chức quản lý Chương trình các nhiệm kỳ trước, đổi mới,

nâng cao tính khoa học, tính thực tiễn để quản lý Chương trình đạt chất lượng, hiệu quả hơn, đáp ứng yêu cầu đặt ra.

(1) Xây dựng quy chế, quy định, chế độ làm việc, kế hoạch hoạt động của Chương trình.

Ban Chủ nhiệm Chương trình phải phối hợp với Bộ khoa học và Công nghệ cụ thể hóa định hướng chung của Bộ Chính trị về Chương trình, xây dựng Quy chế tổ chức, quản lý Chương trình một cách khoa học, hợp lý, phù hợp với yêu cầu, điều kiện đặc thù của Chương trình, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc thực hiện Chương trình. Trong giai đoạn sắp tới, Quy chế cần tiếp tục xác định vai trò, trách nhiệm Hội đồng Lý luận Trung ương là Bộ chủ quản của Chương trình, xác định rõ hơn mối quan hệ, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình thực hiện Chương trình. Hội đồng Lý luận Trung ương phải tiếp tục cụ thể hóa Quy chế trên thành các quy định về hoạt động của Ban chủ nhiệm Chương trình và các tổ chức trực thuộc, xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các thành viên Ban Chủ

nhiệm. Cần thành lập và xác định rõ trách nhiệm của Văn phòng Chương trình là cơ quan trực thuộc Ban Chủ nhiệm Chương trình, phục vụ trực tiếp cho Ban Chủ nhiệm Chương trình trong các hoạt động tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra đánh giá thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình, đồng thời xây dựng Quy chế hoạt động của Văn phòng Chương trình thể hiện rõ những vấn đề và nguyên tắc đó.

Ban Chủ nhiệm Chương trình có trách nhiệm tổ chức xây dựng Quy chế tài chính của Chương trình và các đề tài phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước, tổ chức tập huấn hướng dẫn và kiểm tra thực hiện một cách chặt chẽ. Đặc biệt, cần kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện các thủ tục giải ngân gắn liền với việc thực hiện từng nhiệm vụ nghiên cứu của các đề tài, không để chậm chễ về thủ tục ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân chung của các đề tài.

Văn phòng Chương trình có trách nhiệm giúp ban Chủ nhiệm Chương trình xây dựng kế hoạch tổng thể hoạt động của Chương trình trong cả nhiệm kỳ 5 năm và kế hoạch công tác hằng năm. Trên cơ sở đó, Văn phòng

Chương trình cụ thể hóa kế hoạch hằng quý, giúp cho Ban Chủ nhiệm Chương trình chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

(2) Xây dựng, duy trì và bảo đảm tốt mối quan hệ giữa ban Chủ nhiệm Chương trình với Thường trực Hội đồng, Bộ Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Chương trình không thể tổ chức thực hiện thuận lợi và có hiệu quả nếu không xác định rõ cơ chế làm việc và duy trì mối quan hệ công tác chặt chẽ, thường xuyên với Thường trực Hội đồng, Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, tổ chức đảng, nhà nước lãnh đạo, quản lý các lĩnh vực liên quan về khoa học - công nghệ, tài chính và hành chính. Ban Chủ nhiệm Chương trình chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Thường trực Hội đồng, được Hội đồng lập ra để thực hiện một nhiệm vụ chính trị của Hội đồng Lý luận Trung ương - Chương trình nghiên cứu khoa học lý luận chính trị. Ban Chủ nhiệm Chương trình làm việc trực tiếp với các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Trung ương và các cơ quan

khác theo trách nhiệm do Thường trực Hội đồng xác định. Các chế độ, chức năng và trách nhiệm đó cần được xác định rõ trong quy chế, quy định của Hội đồng và Ban Chủ nhiệm Chương trình, trở thành cơ sở cho việc thực hiện.

(3) Tổ chức xác định mục tiêu, yêu cầu, nội dung đề tài và tuyển chọn các chủ nhiệm đề tài

Trước khi tiến hành tuyển chọn các chủ nhiệm đề tài cần phải xác định rõ mục tiêu, yêu cầu và nội dung của mỗi đề tài. Đây là khâu công việc quan trọng, có ý nghĩa chi phối đối với việc tổ chức thực hiện và hiệu quả của mỗi đề tài. Để xác định được đúng, trúng mục tiêu, yêu cầu, nội dung nghiên cứu của mỗi đề tài, cần mời được các nhà khoa học, chuyên gia có chuyên môn sâu, có nhiều kinh nghiệm thực tế để đề xuất. Các ý kiến đề xuất phải được trao đổi kỹ trước khi chính thức xác định mục tiêu, yêu cầu, nội dung nghiên cứu cho mỗi đề tài cụ thể.

Việc tuyển chọn các chủ nhiệm đề tài thông qua một quy trình chặt chẽ gồm các khâu: xây dựng và công bố điều kiện mời thầu; chọn lựa, xác

định các nhà khoa học, chuyên gia đủ điều kiện, khả năng tham gia đấu thầu; xem xét hồ sơ thầu (mở thầu); thành lập các hội đồng tư vấn chấm thầu, hội đồng tư vấn giao trực tiếp đối với các đề tài quốc phòng, an ninh hay có yêu cầu đặc biệt... Trên cơ sở điều kiện mời thầu trong chương trình giai đoạn 2016-2020, cần nghiên cứu, bổ sung hoàn thiện, bảo đảm chặt chẽ về điều kiện theo yêu cầu, tránh để những đơn vị, các nhân không đủ điều kiện có thể tham gia đấu thầu và trúng thầu. Việc chọn các chuyên gia tham gia hội đồng xét thầu phải là những chuyên gia, nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao, những người công bằng, khách quan. Kiên quyết chống việc các ứng viên gặp gỡ ủy viên hội đồng xét thầu để tìm kiếm sự ủng hộ. Bảo đảm nguyên tắc, tất cả các bước tuyển chọn, thẩm định. Đấu thầu phải được tổ chức quản lý chặt chẽ, đúng quy chế, công khai, minh bạch.

(4) Tổ chức nghiên cứu, khảo sát thực tế

Nghiên cứu khảo sát thực tế trong và ngoài nước là một hoạt động không thể thiếu của Ban Chủ nhiệm

Chương trình nhằm các mục tiêu: Gắn liền nghiên cứu lý luận với thực tiễn đất nước, nắm bắt tình hình thực tiễn để chỉ đạo hoạt động nghiên cứu của các đề tài, phát hiện các vấn đề cần thiết phải tổ chức nghiên cứu làm rõ về lý luận. Ban Chủ nhiệm Chương trình phải xây dựng chương trình nghiên cứu khảo sát thực tế trong nước và ngoài nước cho cả 5 năm, căn cứ vào đó để thực hiện hoặc có những bổ sung, thay đổi tùy theo tình hình cụ thể. Việc nghiên cứu, khảo sát trong nước cần nhằm vào các địa phương điển hình về xây dựng, phát triển, các mô hình tốt về thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Các cuộc nghiên cứu, khảo sát nước ngoài cần lựa chọn các quốc gia tiêu biểu về điều kiện, xu thế phát triển, có những thành tựu nổi bật về một lĩnh vực, có tầm ảnh hưởng lớn đối với khu vực hay thế giới. Các cuộc nghiên cứu, khảo sát thực tế trong hay ngoài nước cũng phải chuẩn bị cẩn thận các nội dung công việc như: Các vấn đề về yêu cầu, điều kiện và nội dung sẽ nghiên cứu, khảo sát; kế hoạch chi tiết cho toàn chuyến đi; các đối tác làm

việc; nội dung làm việc với các đối tác; các điều kiện cần và đủ bảo đảm cho chuyến đi đạt được mục tiêu đề ra.

Chọn lựa trưởng đoàn, cán bộ tham gia mỗi chuyến đi phải bảo đảm về chuyên môn, sự hiểu biết, sức khỏe, phương pháp làm việc, các điều kiện khác tùy theo đặc điểm tình hình của nơi đến. Cần có sự phân công, phân nhiệm cụ thể cho mỗi thành viên trong đoàn để mỗi người chủ động thực thi công việc được giao. Trong quá trình và sau mỗi chuyến đi phải chuẩn bị để xây dựng báo cáo thu hoạch kết quả chuyến đi bảo đảm chất lượng.

(5) Kiểm tra định kỳ

Theo kinh nghiệm của Chương trình KX 04/16-20, Ban Chủ nhiệm Chương trình tổ chức kiểm tra 6 tháng/lần đối với từng đề tài, Hoạt động kiểm tra định kỳ 6 tháng có ý nội dung: Giám sát thúc đẩy việc thực hiện các đề tài theo tiến độ kế hoạch; kịp thời giúp các đề tài giải quyết các khó khăn vướng mắc về triển khai nghiên cứu và các thủ tục quản lý; hỗ trợ kết nối các đề tài trong Chương trình với nhau và với các cơ quan nghiên cứu khác trong hoạt động nghiên cứu; hỗ trợ các ban chủ nhiệm

đề tài giải quyết những khó khăn, vướng mắc. Ngoài các đợt kiểm tra theo định kỳ, Ban Chủ nhiệm Chương trình có thể tổ chức những cuộc kiểm tra đột xuất đối với những đề tài có vấn đề phức tạp.

Các hoạt động kiểm tra, giám sát trên đây rất cần thiết và có ý nghĩa tích cực đối với việc thực hiện Chương trình, cần phải được thực hiện có kế hoạch, bài bản hơn, một cách nghiêm túc và chặt chẽ hơn.

(6) Báo cáo chất lượng kết quả nghiên cứu

Cũng theo kinh nghiệm của Chương trình KX 04/16-20, định kỳ 6 tháng/lần, các đề tài phải có báo cáo chất lượng về kết quả nghiên cứu trong kỳ. Báo cáo chất lượng định kỳ 6 tháng/lần có mục tiêu kép: *Thứ nhất*, thu thập các kết quả nghiên cứu để xây dựng báo cáo chung của Chương trình phục vụ cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Trung ương Đảng; *Thứ hai*, thông qua báo cáo, Ban Chủ nhiệm Chương trình có thể đánh giá được chất lượng nghiên cứu, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài, đồng thời có cơ sở để nhắc nhở, đôn đốc, cảnh báo ban chủ nhiệm các đề tài về tiến độ và

yêu cầu về chất lượng nội dung nghiên cứu. Đây cũng là một kinh nghiệm hiệu quả trong tổ chức quản lý các đề tài của Chương trình cần được phát huy và làm tốt hơn trong giai đoạn tới.

(7) Quản lý tài chính

Nói chung, quản lý tài chính vẫn là một khâu công việc rất khó khăn, phức tạp đối với Chương trình và các đề tài. Có đến quá nửa số đề tài trong thời đoạn 2016-2020 gặp nhiều khó khăn, lúng túng khi thực hiện các công việc về quy trình, thủ tục, chứng từ tài chính. Một số đề tài đã nghiệm thu nhà nước cả năm rồi nhưng chưa thể hoàn tất thủ tục giải ngân. Tình hình đó càng đòi hỏi phải quan tâm, tạo mọi điều kiện để làm tốt công tác quản lý tài chính trong giai đoạn tới.

Để có sự thống nhất chung ngay từ đầu về quản lý tài chính của Chương trình và các đề tài, Ban Chủ nhiệm Chương trình cần phải xây dựng Quy chế quản lý tài chính của Chương trình, bám sát các quy định, chế độ của Nhà nước được xác định trong các văn bản pháp quy của Bộ tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ (Thông tư 27 và Thông tư 55 của liên bộ Tài chính - Khoa học và Công

nghe) và các văn bản, hướng dẫn của Văn phòng Trung ương liên quan đến việc quản lý Chương trình. Trên cơ sở Quy chế quản lý tài chính của Chương trình, Văn phòng Chương trình có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm soát chặt chẽ, cụ thể việc xây dựng quy chế chi tiêu của từng đề tài. Đồng thời, Văn phòng Chương trình chịu trách nhiệm trước ban Chủ nhiệm Chương trình trong việc hướng dẫn chu đáo, kịp thời việc thực hiện quản lý tài chính ở các đề tài; giúp các đề tài tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong tạm ứng, thanh toán, quyết toán; kiểm tra, giám sát chặt chẽ, bảo đảm tiến độ giải ngân của các đề tài theo sát tiến độ thực hiện các nội dung nghiên cứu; phát hiện kịp thời những khó khăn, trục trặc về phương thức quản lý, về tiến độ giải ngân quá chậm, về những sai sót, hạn chế của các đề tài về quản lý tài chính, báo cáo để ban Chủ nhiệm Chương trình kịp thời giải quyết. Đây là khâu công việc quan trọng, cần phải được quan tâm chặt chẽ, đổi mới cách thức lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chủ nhiệm đề tài để thực hiện theo đúng yêu cầu.

(8) Tổ chức nghiệm thu các đề tài

Nghiệm thu kết quả nghiên cứu phải được quan tâm, chỉ đạo chặt chẽ, tổ chức có bài bản, khoa học ở các mức độ: Nghiệm thu đánh giá kết quả nghiên cứu từng nội dung thành phần; nghiệm thu cấp cơ sở (tự đánh giá) kết quả tổng hợp của đề tài; nghiệm thu đánh giá cấp nhà nước đối với toàn bộ kết quả và các sản phẩm của đề tài.

Nghiệm thu đánh giá kết quả nghiên cứu từng nội dung thành phần của đề tài là trách nhiệm của các ban Chủ nhiệm đề tài. Tùy theo cách thức quản lý, đặc điểm của mỗi đề tài mà các ban Chủ nhiệm đề tài có cách thức nghiệm thu, đánh giá khác nhau về kết quả các nội dung thành phần, tức là các sản phẩm trung gian của đề tài. Tuy nhiên, việc quản lý chặt chẽ chất lượng các nghiên cứu thành phần mới bảo đảm chất lượng, hiệu quả chung của đề tài. Vì thế, Chủ nhiệm các đề tài không nên bỏ qua hoặc coi thường khâu công việc này.

Nghiệm thu cấp cơ sở (tự đánh giá) cũng là trách nhiệm và thẩm quyền của mỗi Ban Chủ nhiệm đề tài. Ban Chủ nhiệm Chương trình giao cho cơ

quản chủ trì và Chủ nhiệm đề tài chủ động tổ chức hội đồng tự đánh giá kết quả nghiên cứu. Tuy nhiên, để bảo đảm chất lượng nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm Chương trình cần phải giám sát, cho ý kiến tư vấn về việc lựa chọn các thành viên tham gia hội đồng tự đánh giá trước khi cơ quan chủ trì ra quyết định. Trước khi các đề tài tổ chức tự đánh giá, Ban Chủ nhiệm Chương trình phải kiểm tra, bảo đảm việc thực hiện xong các nhiệm vụ nghiên cứu, các sản phẩm của đề tài phải đầy đủ theo yêu cầu đặt hàng, tiến độ giải ngân phải đạt yêu cầu theo quy định của Chương trình. Các cuộc tự đánh giá phải thực sự trở thành buổi sinh hoạt khoa học góp ý cho Ban Chủ nhiệm đề tài một cách toàn diện, nhất là những nội dung nghiên cứu cần phải được tiếp tục sửa chữa, hoàn thiện. Ban Chủ nhiệm Chương trình phải kiểm tra kết quả tự đánh giá của mỗi đề tài để tiếp tục kiểm tra việc tiếp thu các ý kiến, chỉnh sửa, hoàn thiện các báo cáo kết quả nghiên cứu.

Nghiệm thu cấp quốc gia không đơn thuần là thủ tục hành chính mà phải là sự đánh giá khoa học, đầy đủ, toàn diện kết quả nghiên cứu, giúp Ban Chủ

nhiệm đề tài chỉnh sửa, nâng cấp hoàn thiện báo cáo và các sản phẩm nghiên cứu, bảo đảm chất lượng, đáp ứng các yêu cầu đặt ra. Ban Chủ nhiệm Chương trình cần có hướng dẫn cụ thể về yêu cầu nội dung công việc, các sản phẩm cụ thể, thể thức làm việc, tiêu chí đánh giá và các điều kiện cần thiết. Ban Chủ nhiệm Chương trình kiểm tra kỹ các sản phẩm của đề tài, các văn bản, thủ tục hành chính... các điều kiện cần thiết trước khi dự kiến lập hội đồng nghiệm thu trình Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương quyết định. Nghiệm thu cấp quốc gia phải kết hợp đánh giá về nội dung với đánh giá về tiến độ giải ngân. Việc lựa chọn các thành viên hội đồng nghiệm thu cần phải thận trọng, khách quan, chọn đúng các nhà khoa học, chuyên gia phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của từng đề tài. Các thành viên ban chủ nhiệm Chương trình phải trực tiếp theo dõi, kiểm tra, giám sát các cuộc nghiệm thu để bảo đảm sự đầy đủ, đúng yêu cầu đối với các sản phẩm, nghiêm túc, công bằng trong đánh giá và việc chuyển giao kết quả nghiên cứu đúng địa chỉ, mang lại hiệu quả cao nhất.

(9) *Tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình*

Đối với từng đề tài, Ban Chủ nhiệm Chương trình cần phải hướng dẫn các Ban Chủ nhiệm tổng kết, đánh giá kết quả nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các sản phẩm của đề tài, nhất là báo cáo tổng quan để nộp cho Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ xác nhận, cấp giấy chứng nhận bản quyền; chuyển giao cho các cơ quan thụ hưởng kết quả nghiên cứu; chuyển giao các sản phẩm về Ban Chủ nhiệm đề tài theo đúng quy định và cam kết. Ban Chủ nhiệm Chương trình phải tiến hành các thủ tục thanh toán, quyết toán hợp đồng và ra quyết định thanh lý hợp đồng nghiên cứu khoa học theo quy định của Nhà nước.

Đối với Chương trình, công tác tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình có ý nghĩa rất quan trọng, là một trong những yếu tố chi phối chất lượng, bảo đảm hiệu quả thực tế của Chương trình. Yêu cầu đặt ra cho việc tổng kết là: Tổng hợp kết quả nghiên cứu; xem xét chặt chẽ việc chuyển giao kết quả nghiên cứu cho các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận, được quyền thụ hưởng; đánh giá hiệu quả của Chương trình về đóng góp cho xây dựng văn

kiện, hoạch định đường lối của Đảng, cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng; đánh giá toàn diện về phương pháp, cách thức tổ chức thực hiện Chương trình. Có thể nói, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình là kết thúc giai đoạn nghiên cứu để chuyển sang một giai đoạn mới, trạng thái mới của Chương trình - giai đoạn, trạng thái kết quả nghiên cứu của Chương trình đi vào thực tiễn cuộc sống, tham góp nguồn lực vào công cuộc xây dựng, phát triển đất nước.

Tóm lại, việc đổi mới, nâng cao chất lượng của Chương trình nghiên cứu khoa học lý luận chính trị là yêu cầu khách quan, cần thiết và cấp bách, xuất phát từ nhiệm vụ quan trọng mà Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương đặt ra cho Chương trình và trách nhiệm của Hội đồng Lý luận Trung ương. Để nâng cao chất lượng Chương trình cần phải đổi mới đồng bộ, mạnh mẽ nhiều mặt công việc, trong đó có ý nghĩa quan trọng nhất là 3 khâu công việc: Định hướng nội dung nghiên cứu; lựa chọn, tổ chức lực lượng nghiên cứu; và công tác tổ chức, quản lý Chương trình ■

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC CUỘC HỘI THẢO, TRAO ĐỔI LÝ LUẬN GIỮA ĐẢNG TA VỚI CÁC ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ CÁC ĐẢNG CẦM QUYỀN TRÊN THẾ GIỚI

● GS, TS VŨ VĂN HIỀN

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

I. Tầm quan trọng của công tác lý luận và sự cần thiết của việc hội thảo, trao đổi lý luận

1.1. Về công tác lý luận

Cội nguồn của những đột phá tạo ra những bước tiến vượt bậc của xã hội loài người có sự đóng góp quan trọng của nhận thức, lý luận. Là sản phẩm do sự phát triển cao của nhận thức, lý luận có khả năng xâm nhập vào ý thức của cộng đồng xã hội và lập tức trở thành một động lực to lớn, mới mẻ, có thể đánh đổ lực lượng vật chất cũ kỹ, lỗi thời. Như vậy, lý luận được đúc rút từ thực tiễn và quá trình trao đổi, thảo luận, đúc rút, chắt lọc sẽ trở thành nhân tố quan trọng hàng đầu góp phần chỉ dẫn hoặc hình thành các định hướng, chính sách phát triển xã hội.

Đảng ta do Bác Hồ sáng lập và rèn luyện luôn coi công tác lý luận là một bộ phận quan trọng, là nhân tố hàng đầu cấu thành nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng. Có thể nói thành bại của sự nghiệp cách mạng có liên quan chặt chẽ đến hoạt động lý luận của Đảng. Điều này được minh chứng hùng hồn qua những chặng đường lịch sử vẻ vang của cách mạng nước ta. Chính Bác Hồ là người đầu tiên gieo hạt giống lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin vào mảnh đất màu mỡ, giàu truyền thống dựng nước và giữ nước là đất nước Việt Nam. Công tác lý luận được Người khởi xướng và sử dụng từ khi viết những cuốn sách cẩm nang như: Đường Cách mệnh, sáng lập ra báo Thanh niên, mở những lớp truyền bá

kiến thức, nguyên lý lý luận, chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho việc thành lập Đảng. Và trong suốt hành trình của Đảng, công tác lý luận có đóng góp quan trọng trong việc hình thành và hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng ta, đúc rút những bài học kinh nghiệm trong từng đường đi, nước bước của sự nghiệp cách mạng.

1.2. Sự cần thiết của việc hội thảo, trao đổi lý luận

Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận của chúng ta đứng trước những vấn đề mới mẻ, nhiều thuận lợi mới và không ít khó khăn, thách thức mới. Chưa bao giờ cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của nước ta có được như ngày nay. Điều đó làm cho công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận có một “cốt vật chất” vững chắc để thực hiện các nhiệm vụ trọng đại của mình. Nhưng mặt khác, những thách thức đối với công tác lý luận cũng không hề nhỏ. Đó là những nghịch lý và những diễn biến hết sức phức tạp, khó đoán định và nắm bắt của tình hình thế giới hiện nay. Ngay cả những giá trị cao đẹp và đích thực mà nhân loại dày công tạo dựng, vun

đắp như hòa bình, độc lập, chủ quyền, công bằng, tiến bộ xã hội... cũng bị một số thế lực đen tối mưu toan đánh cắp. An ninh truyền thống đã phức tạp, an ninh phi truyền thống đang gây nhiều phức tạp mới kinh hoàng như đại dịch Covid-19, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường. Đã thế, có một tình hình là thông tin mọi mặt về đời sống chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội ở mọi nơi trên thế giới và ở trong nước, cả mặt thuận và mặt trái, đều có thể tiếp nhận được một cách nhanh chóng, dễ dàng qua nhiều kênh, nhiều phương tiện, nhiều chiều, nhất là qua mạng Internet. Việc nghe, việc nhìn cũng như suy nghĩ của mỗi người trong điều kiện thông thoáng bên trong, mở cửa hội nhập sâu rộng với bên ngoài hôm nay đã khác hôm qua. Tất cả những điều đó đòi hỏi công tác lý luận cần được tăng cường việc nghiên cứu, thảo luận, trao đổi học tập lẫn nhau, “biết mình, biết ta” để bổ sung kiến thức và lý giải những vấn đề mới mà cuộc sống đang đặt ra. Điều đó hết sức có lợi cho việc xây dựng các luận cứ, phục vụ công tác tham mưu, tư vấn về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Trong bối cảnh như vậy, Đảng ta luôn chú trọng đến việc nhìn nhận bối cảnh quốc tế, chủ trương chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, trong đó ngày càng quan tâm đến việc tăng cường hợp tác quốc tế về lý luận.

Là cơ quan tư vấn quan trọng của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, trong suốt 25 năm qua, Hội đồng Lý luận Trung ương luôn được giao trọng trách giữ mối quan hệ với các cơ quan nghiên cứu lý luận của các đảng cộng sản và đảng cầm quyền trên thế giới. Đặc biệt, Hội đồng Lý luận Trung ương được Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao nhiệm vụ trực tiếp tổ chức các cuộc hội thảo lý luận, các cuộc tọa đàm, trao đổi lý luận - thực tiễn với một số đảng như: Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Cộng sản Cu Ba, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Đảng Cộng sản Nhật Bản, Đảng Cộng sản Pháp, Đảng Dân chủ Xã hội Đức.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, cho tới nay, Hội đồng Lý luận Trung ương đã tổ chức các cuộc Hội thảo, trao đổi, tọa đàm với Đảng Cộng sản Trung Quốc 15 cuộc, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào 7 cuộc, Đảng Cộng sản Nhật Bản 9 cuộc, Đảng Cộng sản Cu Ba 3

cuộc, Đảng Cộng sản Pháp 3 cuộc và Đảng Dân chủ xã hội Đức 6 cuộc. Như vậy, đã có 40 cuộc hội thảo, tọa đàm, trao đổi lý luận - thực tiễn giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và các đảng bạn đã được thực hiện.

Quá trình thực hiện các cuộc Hội thảo, tọa đàm, trao đổi với Đảng bạn đều theo trình tự chặt chẽ, nghiêm túc dưới sự chỉ đạo của Ban Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam và các ban lãnh đạo đảng bạn. Hội đồng Lý luận Trung ương chủ trì về nội dung, Ban Đối ngoại Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng phụ trách về tổ chức và chương trình hoạt động.

Thông thường, mỗi cuộc hội thảo hoặc tọa đàm đều được lãnh đạo hai đảng thống nhất về chủ đề do Hội đồng Lý luận Trung ương và cơ quan đối tác của đảng bạn cùng trao đổi, đề xuất. Khi đã được lãnh đạo hai đảng thông qua chủ đề và nội dung hội thảo, trao đổi, thảo luận, các cơ quan chức năng của mỗi đảng sẽ mời các chuyên gia thuộc các lĩnh vực có hiểu biết sâu chủ đề hội thảo, để chuẩn bị các báo cáo chuyên đề. Hội đồng Lý luận Trung ương sẽ cho ý kiến nhận xét, chỉnh sửa, hoàn thiện từng chuyên đề để phục vụ

các cuộc hội thảo, trao đổi, tọa đàm theo kế hoạch. Các cuộc hội thảo, tọa đàm được tổ chức luân phiên theo thời gian thỏa thuận giữa hai đảng.

II. Về chất lượng, hiệu quả của các cuộc hội thảo, trao đổi lý luận

2.1. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, một khối lượng kiến thức to lớn.

Qua 40 cuộc hội thảo, tọa đàm, 40 nội dung chính yếu đã được trình bày với khoảng 390 chuyên đề và hàng nghìn ý kiến trao đổi, thảo luận, tranh luận. Do vậy, nếu nhìn nhận đánh giá một cách tổng hợp, có thể thấy rất nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn đã được đề cập, phân tích, mổ sẻ và đó chính là một kho tư liệu quý báu về những thông tin lý luận và tổng kết thực tiễn. Mặc dù chất lượng, hiệu quả của 40 cuộc hội thảo, trao đổi, tọa đàm không giống nhau, nhưng với 390 chuyên đề, gần 500 lượt trình bày của các nhà khoa học, các học giả có trình độ chuyên môn cao về lĩnh vực mà chủ đề đặt ra, cùng với hàng nghìn ý kiến trao đổi đã cung cấp một lượng kiến thức to lớn phục vụ đắc lực cho việc nghiên cứu tham khảo của Đảng ta và các đảng bạn. Kết quả của các cuộc hội

thảo đã được Hội đồng Lý luận Trung ương báo cáo bằng văn bản tổng hợp trình Ban Bí thư những nội dung chính yếu và những vấn đề đúc rút, kiến nghị. Đồng thời, Hội đồng phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản hơn 30 cuốn sách theo các chủ đề hội thảo. Đó thực sự là những tài liệu quý phục vụ cho công tác nghiên cứu lý luận của nước ta.

Thứ hai, nội dung các cuộc hội thảo đã bao quát rất nhiều vấn đề chính yếu trong đời sống quốc tế và những vấn đề của mỗi đảng, mỗi nước mà hai bên cùng quan tâm.

Điểm lại các cuộc hội thảo giữa Đảng ta với các đảng cho thấy những vấn đề chính yếu nhất, căn cốt nhất cũng như những vấn đề nổi cộm nhất của thế giới đều được nhận diện và đánh giá với chiều sâu tri thức và cách đánh giá, nhìn nhận đa chiều. Các cuộc hội thảo đã phân tích xu thế thời đại, cục diện thế giới đương đại, những vấn đề đặt ra đối với trật tự thế giới, những biến động của thế giới hiện nay, đặc điểm của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, bức tranh kinh tế thế giới, các thách thức truyền thống và phi truyền thống trong thế giới

đương đại. Trong các cuộc hội thảo, các nhà khoa học cũng đã đưa ra những vấn đề cần nghiên cứu và các giải pháp để tận dụng thời cơ, khắc phục, hóa giải các nguy cơ, thách thức do tình hình và thời cuộc đưa tới.

Có nhiều vấn đề chuyên về lý luận cũng được bàn thảo như vấn đề thời đại, cục diện thế giới và khu vực, chủ nghĩa Mác - Lênin và thế giới hiện nay; hiện trạng và tương lai của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, nguyên nhân và bản chất của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, vấn đề dân tộc, vấn đề giai cấp và vấn đề toàn nhân loại, về cách mạng khoa học công nghệ, kinh tế tri thức, những xu thế mới trong thế giới có nhiều biến chuyển...

Cùng với việc trao đổi nhiều vấn đề lý luận, các cuộc hội thảo đã đi sâu vào nhiều chiều cạnh thực tiễn trong công tác xây dựng đảng và những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở mỗi nước. Đó là những vấn đề hệ trọng như: Những vấn đề của công tác xây dựng Đảng, công tác cán bộ, công tác kiểm tra giám sát trong đảng, phát triển nền kinh tế thị trường ở mỗi nước, phát triển kinh tế bền vững, an sinh xã hội, vấn đề quản trị xã hội, xây dựng nền

văn hóa và con người trong chủ nghĩa xã hội, công tác tư tưởng lý luận, công tác quản lý báo chí, quản lý mạng xã hội và việc ứng phó với dư luận xã hội.

Thứ ba, hội thảo lý luận là kênh thông tin quan trọng để các đảng hiểu biết nhau hơn, tham khảo những kinh nghiệm của nhau và tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa các đảng. Tổng bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc Tập Cận Bình đánh giá, các cuộc hội thảo lý luận là điểm sáng trong quan hệ giữa hai đảng. Các đồng chí lãnh đạo Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Đảng Cộng sản Cu Ba, Đảng Cộng sản Nhật Bản, Đảng Cộng sản Pháp, Đảng Dân chủ Xã hội Đức đều đánh giá cao những kết quả tốt đẹp của các cuộc hội thảo cũng như sự cần thiết duy trì và tăng cường các cuộc hội thảo lý luận - thực tiễn với Đảng ta.

Thực chất nội dung các cuộc hội thảo do hai bên cùng quan tâm nhưng với tình hình mỗi đảng, mỗi nước có những đặc thù khác nhau, quy mô và tính chất của các vấn đề khác nhau, từ đó những giải pháp hoặc khuyến nghị đưa ra vừa có điểm chung vừa có những điểm khác với chúng ta. Đó là những chiều cạnh rất cần để Đảng ta

có thể tham khảo, đúc rút kinh nghiệm và bổ sung thêm những luận cứ trong việc hoạch định chủ trương định hướng lãnh đạo chỉ đạo thực tiễn.

2.2. Một số hạn chế

Kết quả thu được từ 40 cuộc hội thảo, trao đổi lý luận – thực tiễn trong những năm qua giữa Đảng ta và các đảng anh em có giá trị cả về lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, nhìn nhận nghiêm túc hơn từ các chiều cạnh vẫn có thể thấy rõ một số hạn chế cần khắc phục.

Thứ nhất, về ý thức, nhận thức. Bên cạnh những cuộc hội thảo hoặc trao đổi lý luận - thực tiễn đạt kết quả rất tốt đẹp, vẫn còn một số cuộc không như mong đợi, nhạt nhòa, thiếu ấn tượng. Điều đó cho thấy, từ cả phía ta và phía bạn, vì nhiều lý do khác nhau mà sự chuẩn bị chưa thật chu đáo, thiếu đầu tư công sức, trí tuệ để có những nội dung sâu sắc.

Thứ hai, hạn chế lớn nhất là một số vấn đề cốt lõi mà chúng ta rất cần nghiên cứu, trao đổi nhưng chưa thực hiện được do chưa có sự đồng thuận với đảng bạn. Có một số đề tài chúng ta rất quan tâm thì đảng bạn chưa sẵn sàng hoặc có vấn đề đảng bạn đề xuất nhưng ít có ý nghĩa đối với thực tiễn

nước ta. Đôi khi có chủ đề cả hai bên cùng quan tâm, tương đối đồng thuận nhưng khi thực hiện những nội dung trao đổi lại không tương thích nhau.

Thứ ba, công tác tổ chức các cuộc hội thảo, trao đổi thường theo nếp cũ giống nhau, thiếu sự đổi mới nên đôi khi tạo ra sự nhàm chán, không có điểm nhấn. Thực tế vừa qua cho thấy việc chuẩn bị hội thảo ở Việt Nam chưa được chú trọng đúng mức, trình độ và điều kiện tổ chức các cuộc hội thảo cũng như tham gia thực tế ở Trung Quốc và Lào có những điểm tốt hơn so với thực tế mà chúng ta thực hiện ở Việt Nam.

III. Một số giải pháp nâng cao chất lượng các cuộc hội thảo, trao đổi

Chất lượng các cuộc hội thảo, tọa đàm phụ thuộc vào nhiều yếu tố, từ khâu xác định rõ nhiệm vụ, lựa chọn chủ đề hội thảo, các chuyên đề cụ thể, đến cách thức tổ chức thực hiện thật đồng bộ, chu đáo.

Để khắc phục những hạn chế, nâng cao chất lượng các cuộc hội thảo, trao đổi lý luận giữa Đảng ta và các đảng bạn, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, Hội đồng Lý luận Trung ương cùng Ban Đối ngoại Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng đều cần

nhận rõ hơn yêu cầu và tầm quan trọng của nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao phó. Tùy theo những nội dung công việc đã được xác định, trước mỗi cuộc hội thảo, tọa đàm cần có sự phối hợp chặt chẽ, phân công rõ từng đầu việc. Phải thấy rõ các cuộc hội thảo trao đổi này đều do đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư chủ trì nên phải bảo đảm chất lượng ở mức tốt nhất.

Thứ hai, chủ đề và nội dung các cuộc hội thảo cần được bàn bạc kỹ, chủ động và tham khảo ý kiến của các chuyên gia trước khi trình Ban Bí thư quyết định. Đây là vấn đề trọng yếu nhất quyết định thành công và đặc biệt là chất lượng, hiệu quả của hội thảo. Cũng nên tính đến một lần hội thảo có thể đề cập 1-2 chủ đề có quan hệ với nhau để tăng thêm chiều sâu kiến thức của các báo cáo chuyên đề.

Thứ ba, chất lượng và hiệu quả của các cuộc hội thảo phụ thuộc phần lớn vào trình độ của các học giả tham gia và chất lượng các báo cáo chuyên đề. Vậy nên sự lựa chọn các nhà khoa học tham dự hội thảo là hết sức quan trọng. Đồng thời việc cần có đủ thời gian để triển khai viết và chỉnh sửa các chuyên

đề, bảo đảm sát hợp với yêu cầu đặt ra.

Thứ tư, công tác tổ chức, điều hành hội thảo cần có sự linh hoạt và đổi mới hơn, nhất là cần tăng cường đối thoại trực tiếp và trình bày nhiều tư liệu hỗ trợ phong phú, sinh động. Cần phát huy hơn nữa vai trò của nước chủ nhà trong việc đưa ra những sáng kiến trong quá trình hội thảo, trao đổi cũng như việc tổ chức nghiên cứu, tham quan thực tế ở nước ta.

Thứ năm, tăng cường sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa Hội đồng Lý luận Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Văn phòng Trung ương trong việc chuẩn bị mọi điều kiện cho các cuộc hội thảo cả về nội dung, cách thức tổ chức, chú ý nâng cao năng lực và trình độ của cán bộ trong việc giải quyết và xử lý các tình huống.

Thứ sáu, cùng với việc củng cố và nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc hội thảo lý luận hiện nay, để tăng cường quan hệ hợp tác và tăng thêm kiến thức tham khảo, đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho phép gia tăng các cuộc hội thảo với các đảng mới như các đảng ở Nga, Campuchia, Nhật Bản, Mỹ (có thể trao đổi lý luận thực tiễn với đảng cầm quyền ở Nhật Bản và ở Mỹ) ■

NHỮNG NHẬN THỨC LÝ LUẬN MỚI VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIII

● PGS, TS NGUYỄN VIỆT THÔNG

Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương

1. Đại hội XIII đặc biệt coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Đại hội XIII đặc biệt coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. So với Đại hội XII, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng không chỉ được đề cập trong Báo cáo chính trị, Đại hội XIII còn có Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được thể hiện trong chủ đề, bài học kinh nghiệm, quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển.

Một là, chủ đề Đại hội XIII đã phát triển thành tố “Tăng cường xây dựng

Đảng trong sạch, vững mạnh” của Đại hội XII thành “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”.

Đại hội XIII đặc biệt coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. So với Đại hội XII, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng không chỉ được đề cập trong Báo cáo chính trị, Đại hội XIII còn có Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng.

Nhận thức mới là bổ sung “xây dựng hệ thống chính trị” cùng với xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh và không chỉ đề cập đến xây dựng Đảng, mà cả chỉnh đốn Đảng.

Hai là, bài học kinh nghiệm về xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Từ thực tiễn công cuộc đổi mới, trực tiếp là 5 năm thực hiện Nghị

quyết Đại hội XII của Đảng, Báo cáo Chính trị tại Đại hội XIII rút ra năm bài học kinh nghiệm, bài học kinh

nghiệm đầu tiên là về xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, trong đó nhấn mạnh: Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải được triển khai quyết liệt, đồng bộ, thường xuyên, hiệu quả cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. So với Đại hội XII, Báo cáo Chính trị nhấn mạnh xây dựng Đảng về cán bộ. Đây là bước phát triển về nhận thức của Đảng ta. Đồng thời xác định rõ: Công tác cán bộ phải thực sự là “then chốt của then chốt”, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên theo phương châm chức vụ càng cao càng phải gương mẫu; nhất là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng rút ra năm bài học kinh nghiệm:

Một là, nâng cao bản lĩnh chính trị; kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện nghiêm Cương lĩnh, Điều lệ và các nguyên tắc của Đảng; kịp thời tổng kết thực tiễn,

phát triển lý luận để đổi mới sáng tạo, chống bảo thủ, trì trệ; đấu tranh kiên quyết với những biểu hiện cơ hội chính trị.

Hai là, phải đặc biệt coi trọng sự đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động trong Đảng, trước hết trong Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt và cấp uỷ các cấp. Người đứng đầu các cấp phải thực sự mẫu mực, nói đi đôi với làm, nêu cao tinh thần trách nhiệm, đặt lợi ích của quốc gia - dân tộc, nhân dân lên trên hết, trước hết. Thường xuyên tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân, phát huy vai trò của nhân dân và thật sự dựa vào dân để xây dựng Đảng.

Ba là, phải thấm nhuần sâu sắc quan điểm công tác cán bộ là nhiệm vụ “then chốt” của công tác xây dựng Đảng, có liên quan đến sự sống còn của Đảng và vận mệnh của chế độ; cán bộ là cái gốc của mọi công việc, là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng. Vì vậy, phải đặc biệt coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu thật sự có đức, có tài, có uy tín trong Đảng và nhân dân.

Bốn là, xây dựng Đảng phải gắn kết chặt chẽ với lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Kết hợp chặt chẽ, đồng bộ, toàn diện, hiệu quả giữa xây dựng và chỉnh đốn Đảng, trong đó xây dựng Đảng là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài; chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, cấp bách; đồng thời, xác định đúng trọng tâm, trọng điểm, khâu đột phá.

Năm là, trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, cách làm bài bản, dân chủ, chắc chắn và có bước đi phù hợp; kiên trì, cầu thị, lắng nghe; không cầu toàn, không chủ quan nóng vội, mất cảnh giác và không tự mãn với thành tích đạt được. Đối với những việc mới, khó, phức tạp thì tiến hành thí điểm, vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, tìm ra cách làm phù hợp, hiệu quả nhất để nhân rộng.

Năm bài học về xây dựng, chỉnh đốn Đảng nêu trên là một trong những nhận thức mới của Đại hội XIII.

Ba là, quan điểm chỉ đạo công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Báo cáo chính trị nêu năm quan điểm chỉ đạo, quan điểm đầu tiên là: Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. So với Đại hội XII, Đại hội XIII bổ sung “kiên định nguyên tắc xây dựng Đảng”. Đây là bước phát triển nhận thức của Đảng ta.

Bốn là, mục tiêu xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Đại hội XIII xác định: Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Điểm mới của Đại hội XIII là không chỉ nâng cao “năng lực lãnh đạo” mà cả “năng lực cầm quyền”, không chỉ “xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh”, mà cả “hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện”.

Năm là, định hướng xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Trong định hướng phát triển đất nước 10 năm 2021-2030, Báo cáo

chính trị nêu định hướng thứ 11 về xây dựng Đảng: Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện; tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng; đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ cấp chiến lược có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; làm tốt công tác tư tưởng, lý luận; chú trọng bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật và dân vận của Đảng.

Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng nêu phương hướng công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ Đại hội XIII.

- Tiếp tục kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

- Tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư

tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng. Phát huy sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội; coi trọng hơn nữa công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ.

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; phát huy tính tiên phong, gương mẫu, trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân của cán bộ, đảng viên. Tăng

cường hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, củng cố và không ngừng nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

- Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Xây dựng, hoàn thiện chính sách phát hiện, thu hút, sử dụng nhân tài; có cơ chế bảo vệ những cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách và quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và kiểm soát chặt chẽ quyền lực. Đẩy mạnh đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí.

2. Những nhận thức mới trong nhiệm vụ, giải pháp xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Báo cáo chính trị và Báo cáo chuyên đề về công tác xây dựng Đảng tại Đại hội XIII xác định 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Đảng trong 5 năm 2021-2025, trong mỗi nhóm nhiệm vụ, giải pháp có những nhận thức mới.

Một là, tăng cường xây dựng Đảng về chính trị

Đại hội XIII tiếp tục khẳng định:

Kiên định và không ngừng vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong từng giai đoạn. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Kiên định đường lối đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đồng thời bổ sung: “Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng”.

Báo cáo chính trị và Báo cáo chuyên đề về công tác xây dựng Đảng tại Đại hội XIII xác định 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Đảng trong 5 năm 2021-2025, trong mỗi nhóm nhiệm vụ, giải pháp có những nhận thức mới.

Đại hội XIII đã bổ sung, nhấn mạnh ba nhiệm vụ, giải pháp mới nhằm tăng cường xây dựng Đảng về chính trị:

Thứ nhất, về bản lĩnh và năng lực dự

báo, Đại hội XIII xác định: Nâng cao bản lĩnh, năng lực dự báo của Đảng trong hoạch định đường lối, chính sách phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu hướng phát triển của thời đại. Đây là nhận thức mới phù hợp với bối cảnh tình hình thế giới, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, tác động đến nước ta.

Thứ hai, về tổ chức thực hiện nghị quyết, thực tế nhiều năm qua việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghị quyết Đảng vẫn là khâu yếu, chưa được khắc phục; năng lực cụ thể hóa, thể chế hóa chủ trương, nghị quyết còn hạn chế, năng lực tổ chức thực hiện của cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Từ đó Đại hội XIII xác định: Kịp thời thể chế, cụ thể hóa, triển khai đúng đắn, hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, khắc phục sự yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Nâng cao lập trường, bản lĩnh chính trị, trình độ, trí tuệ, tính chiến đấu của cấp uỷ, tổ chức đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp, cán bộ cấp chiến lược.

Thứ ba, về thực hành dân chủ, Đại hội XIII xác định: Thực hành dân chủ trong Đảng gắn liền với tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Đây là nhiệm vụ, giải pháp rất quan trọng, là một vấn đề thuộc bản chất của Đảng ta.

Hai là, coi trọng xây dựng Đảng về tư tưởng

Kế thừa Đại hội XII, Đại hội XIII xác định: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đại hội XIII đã bổ sung những nhiệm vụ, giải pháp mới:

Thứ nhất, về nắm bắt, dự báo tình hình tư tưởng, Đại hội XIII nhấn mạnh: Nắm chắc, dự báo đúng, định hướng chính xác, xử lý đúng đắn, kịp thời các vấn đề tư tưởng trong Đảng, trong xã hội. Chú trọng nắm bắt, định hướng dư luận xã hội, bảo đảm thống nhất tư tưởng trong Đảng, đồng thuận cao trong xã hội.

Thứ hai, về tổng kết thực tiễn nghiên cứu lý luận, Đại hội XIII nhấn mạnh: Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, hoàn thiện hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Gắn kết tổng kết thực tiễn với nghiên cứu lý luận, định hướng chính sách... Chú trọng cập nhật kết quả tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; sớm kết luận những vấn đề lý luận đã chín, đã rõ, phát triển, hoàn thiện đường lối, chủ trương xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tổng kết thực tiễn 40 năm đổi mới để bổ sung, phát triển lý luận của Đảng.

Thứ ba, về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, Đại hội XIII xác định: Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ.

Ba là, tập trung xây dựng Đảng về đạo đức

Kế thừa Đại hội XII, Đại hội XIII tiếp tục xác định: Nêu cao tinh thần tự

giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên. Đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, thực hiện thường xuyên, sâu, rộng, có hiệu quả việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Đại hội XIII bổ sung, nhấn mạnh các nhiệm vụ, giải pháp mới:

Thứ nhất, coi trọng nêu gương, Đại hội XIII xác định: Thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm nêu gương, chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Đảng viên tự giác nêu gương để khẳng định vị trí lãnh đạo, vai trò tiên phong, gương mẫu, tạo sự lan toả, thúc đẩy các phong trào cách mạng. Coi trọng kiểm tra, giám sát trong Đảng kết hợp với phát huy vai trò giám sát của cơ quan dân cử, của Mặt trận Tổ quốc, báo chí và nhân dân đối với cán bộ, đảng viên thực hiện các quy định nêu gương.

Thứ hai, coi trọng giáo dục đạo đức cách mạng, Đại hội XIII xác định: Nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các giá trị đạo đức cách mạng cho phù hợp

với điều kiện mới và truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Xây dựng các chuẩn mực đạo đức làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên tự điều chỉnh hành vi ứng xử trong công việc hằng ngày. Đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên thấy rõ bốn phận và trách nhiệm của mình, luôn vững vàng trước khó khăn, thách thức và không bị cám dỗ bởi vật chất, tiền tài, danh vọng. Nâng cao ý thức tu dưỡng, rèn luyện và thực hành đạo đức cách mạng.

Bốn là, đẩy mạnh xây dựng Đảng về tổ chức; tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

Kế thừa Đại hội XII, Đại hội XIII tiếp tục xác định: Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đại hội XIII bổ sung một số nhiệm vụ, giải pháp mới:

Thứ nhất, về hoàn thiện mô hình tổ chức của hệ thống chính trị, Đại hội XIII nhấn mạnh: Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đồng

bộ với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội, con người.

Thứ hai, về các mô hình thí điểm, Đại hội XIII xác định: Tổng kết các mô hình thí điểm về tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị, khắc phục sự chồng chéo và những bất hợp lý trong tổ chức của Đảng và tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Năm là, củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên

Kế thừa Đại hội XII, Đại hội XIII xác định: Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Đồng thời, nhấn mạnh: Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng phù hợp với tiến trình đổi mới, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị. Nâng cao vai trò, trách nhiệm giáo dục, quản lý, rèn luyện, kiểm tra, giám sát đảng viên; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, sinh hoạt của chi bộ.

Nâng cao chất lượng đảng viên. Phát hiện, quy hoạch, bồi dưỡng, phát huy vai trò những đảng viên ưu tú, có triển

vọng, chuẩn bị nguồn cán bộ chủ chốt các cấp. Đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên trong công nhân, trí thức và doanh nhân. Phát hiện, bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng những thanh niên ưu tú trưởng thành trong phong trào lao động, học tập, trong lực lượng vũ trang, tạo nguồn cán bộ cho hệ thống chính trị các cấp.

Sáu là, tăng cường xây dựng Đảng về cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu

Thứ nhất, về yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, Đại hội XIII xác định: Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Hoàn thiện thể chế, quy định về công tác cán bộ, tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí, cơ chế đánh giá cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là người đứng đầu có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng, năng lực nổi bật, **dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách,** và quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung, có uy tín cao và thực sự tiên phong, gương mẫu, là hạt nhân

đoàn kết. Sáu “dám” của đội ngũ cán bộ là một nhận thức mới, một điểm nhấn của Đại hội XIII.

Thứ hai, về trách nhiệm của người đứng đầu và kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, Đại hội XIII xác định: Xây dựng quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; thực hiện tốt quy định về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, chống chạy chức, chạy quyền; xử lý nghiêm minh, đồng bộ kỷ luật đảng, kỷ luật hành chính và xử lý bằng pháp luật đối với cán bộ có vi phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

Bảy là, tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

Thứ nhất, về quy định, quy chế, Đại hội XIII xác định: Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các quy định, quy chế nhằm giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát. Cải tiến, đổi mới phương pháp, quy trình, kỹ năng công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng bảo đảm khách quan, dân chủ, khoa học, đồng bộ, thống nhất, thận trọng, chặt chẽ, khả thi, trong đó

tập trung vào các cơ chế, biện pháp chủ động phát hiện sớm để phòng ngừa, ngăn chặn khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên; có chế tài để phòng ngừa, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm kỷ luật đảng.

Thứ hai, về lãnh đạo, chỉ đạo, Đại hội XIII xác định: Đổi mới mạnh mẽ, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác hướng dẫn, chỉ đạo của uỷ ban kiểm tra cấp trên đối với cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra cấp dưới trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

Thứ ba, về phương pháp, Đại hội XIII xác định: Triển khai quyết liệt, thường xuyên, toàn diện, đồng bộ công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, phục vụ thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh. Tập trung kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở những nơi dễ xảy ra vi phạm, nơi có nhiều bức xúc nổi cộm, dư luận quan tâm; xử lý kịp thời, kiên quyết, triệt để, đồng bộ, nghiêm minh các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm. Tăng cường quản lý, kiểm tra,

giám sát cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp để kịp thời phát hiện, ngăn chặn từ xa, từ đầu, giải quyết từ sớm, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn, kéo dài và lan rộng. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng cấp trên đối với cấp dưới.

Thứ tư, về phối hợp với các cơ quan, Đại hội XIII xác định: Kết hợp chặt chẽ và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với giám sát, thanh tra, kiểm toán nhà nước và điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Tăng cường phối hợp giữa giám sát của Đảng với giám sát của Nhà nước và giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội để tăng cường sức mạnh tổng hợp và nâng cao hiệu lực, hiệu quả giám sát, kiểm tra, tránh chồng chéo, trùng lặp, lãng phí nguồn lực, không hiệu quả.

Thứ năm, về nội dung kiểm tra, giám sát và phát huy vai trò của nhân dân, Đại hội XIII xác định: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ trong việc thể chế hóa và thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị,

quy định của Đảng. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác cán bộ, gắn với kiểm soát quyền lực, chống chạy chức, chạy quyền. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

Tám là, thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng

Thứ nhất, về nhận thức, Đại hội XIII nhấn mạnh: Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của các cấp uỷ đảng, hệ thống chính trị về công tác dân vận; có cơ chế phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh trong tình hình mới.

Thứ hai, về phát huy vai trò của nhân dân, Đại hội XIII xác định: Phát huy vai trò, sự tham gia của nhân dân trong xây dựng, ban hành tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên cơ sở bảo đảm hài hoà lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân, giữa các vùng, miền; quan tâm đến các đối tượng yếu thế trong

xã hội. Tiếp tục hoàn thiện, cụ thể hóa, thực hiện tốt cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” và phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Tổ chức có hiệu quả, thực chất việc nhân dân tham gia giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của nhân dân làm tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng tổ chức bộ máy và chất lượng cán bộ, đảng viên.

Chín là, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Thứ nhất, về nhiệm vụ, giải pháp chung, Đại hội XIII xác định: Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, với quyết tâm chính trị cao hơn, hành động mạnh mẽ, triệt để hơn, hiệu quả hơn. Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời những hành vi tham nhũng, lãng phí, bao che, dung túng, tiếp tay cho tham nhũng, can thiệp, cản trở việc chống

tham nhũng, lãng phí, không có vùng cấm. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của toàn dân; thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức, hành chính, kinh tế, hình sự. Gắn phòng, chống tham nhũng, lãng phí với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng, củng cố hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thứ hai, về giải pháp để “không muốn” tham nhũng, Đại hội XIII xác định: Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự tự giác, thống nhất cao về ý chí và hành động trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, trước hết là sự gương mẫu, quyết liệt của người đứng đầu cấp uỷ, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; kiên trì giáo dục, rèn luyện đức tính liêm khiết, xây dựng văn hóa tiết kiệm, không tham nhũng, lãng phí trước hết trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

Thứ ba, về giải pháp để “không thể” tham nhũng, Đại hội XIII xác định: Đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện các

quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kinh tế - xã hội, về kiểm tra, giám sát và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, nhất là các quy định về kiểm soát quyền lực, trách nhiệm người đứng đầu, trách nhiệm giải trình, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; cơ chế bảo vệ, khuyến khích những người làm công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện, xử lý tham nhũng cũng như với người tố cáo, tích cực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, đồng thời xử lý nghiêm những người lợi dụng chống tham nhũng, lãng phí để vu khống, gây mất đoàn kết nội bộ; kiểm soát có hiệu quả tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý; thực hiện chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.

Thứ tư, về giải pháp để “không dám” tham nhũng, Đại hội XIII xác định: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, phát hiện sớm, xử lý nghiêm minh các vụ việc, vụ án tham nhũng, lãng phí; kiên quyết thu hồi tài sản tham nhũng; kịp thời xử lý, thay thế cán bộ lãnh đạo, quản lý khi có biểu hiện tham nhũng, lãng phí; xử

lý nghiêm những cán bộ những nhiều, vôi vĩnh, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, bảo đảm liêm chính, trong sạch, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị có chức năng phòng, chống tham nhũng và các cơ quan tham mưu cho cấp uỷ lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng. Từng bước mở rộng phạm vi phòng, chống tham nhũng ra khu vực ngoài nhà nước, mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan và đại biểu dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, nhân dân và cơ quan truyền thông, báo chí trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; từ đó nâng cao hiệu quả phát hiện và xử lý tham nhũng, lãng phí.

Thứ năm, về giải pháp để “không cần” tham nhũng, Đại hội XIII xác định: Tiếp tục đẩy mạnh cải cách chính sách tiền lương, nâng cao thu nhập và có chính sách nhà ở, bảo đảm cuộc sống để cán bộ, công chức, viên chức yên tâm công tác.

Mười là, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới

Thứ nhất, về xây dựng quy chế, quy định, quy trình, Đại hội XIII xác định: Tiếp tục cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng ở tất cả các cấp bằng những quy chế, quy định, quy trình cụ thể và công khai để cán bộ, đảng viên và nhân dân biết, giám sát việc thực hiện. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện phân cấp, phân quyền, chống tha hóa quyền lực; có cơ chế để các địa phương phát huy quyền chủ động, sáng tạo, gắn với đề cao trách nhiệm, đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý thống nhất của Trung ương.

Thứ hai, về phương hướng, phong cách, lề lối làm việc, Đại hội XIII xác định: Đổi mới phương pháp, phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở; xây dựng và thực hiện phong cách làm việc khoa học, tập thể, dân chủ, trọng dân, gần dân, hiểu dân, vì dân, bám sát thực tiễn, chịu khó học hỏi, nói đi đôi với làm ■



PHẢI CHĂNG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI GIỮ VỮNG ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ TẠI ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG CHỈ LÀ LÝ THUYẾT, PHI THỰC TẾ?

● GS, TS NGUYỄN QUANG THUẬN
Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

Sau 35 năm đổi mới Việt Nam đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Kinh tế tăng trưởng cao và ổn định, đời sống của nhân dân không ngừng được cải thiện và nâng cao, quốc phòng, an ninh, chủ quyền đất nước được giữ vững. Cùng với quá trình đổi mới, Việt Nam đã hội nhập ngày càng sâu, rộng vào khu vực và toàn cầu. Những kết quả đạt được trong hội nhập quốc tế đã góp phần quan trọng vào những thành tựu chung của đất nước

Tuy nhiên, các thế lực thù địch luôn tìm cách phủ nhận, xuyên tạc đường lối và những thành tựu của cách mạng nước ta, trong đó có lĩnh vực đối ngoại, nhất là vào dịp các Đại hội Đảng. Cụ thể, khi Đảng ta tiến hành Đại hội XIII, về lĩnh vực đối ngoại, chúng tuyên truyền rằng chính sách đối ngoại giữ vững độc lập, tự chủ trong hội nhập quốc tế tại Đại hội XIII của Đảng là lý thuyết, phi thực tế; rằng không thể có độc lập tự chủ trong hội nhập quốc tế được, đã độc lập, tự chủ thì không thể hội nhập

quốc tế và ngược lại, đã hội nhập quốc tế thì không thể có độc lập, tự chủ. Đồng thời chúng còn cho rằng thể chế chính trị của Việt Nam là khác biệt, không phù hợp với chuẩn mực chung của quốc tế, với một Đảng duy nhất cầm quyền càng không thể hội nhập quốc tế.

Nhìn lại lịch sử phát triển chính sách đối ngoại của nước ta, đặc biệt những thành tựu sau 35 năm đổi mới, cả trên phương diện lý luận và thực tiễn sẽ là những luận cứ xác đáng để phản bác những quan điểm sai trái đó.

1. Về mặt lý luận và đường lối của Đảng trong lĩnh vực đối ngoại

Độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế là mối quan hệ biện chứng, tất yếu, khách quan, tác động qua lại lẫn nhau, thúc đẩy và hỗ trợ lẫn nhau. Mỗi quốc gia phải có độc lập, tự chủ mới có thể chủ động hội nhập quốc tế và như vậy hội nhập quốc tế mới đem lại hiệu quả và thành công. Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế phát triển mạnh mẽ như hiện nay, không có quốc gia nào có thể đứng ngoài, tự cô lập mà phát triển được. Hội nhập quốc tế là yêu cầu tất yếu, khách quan để phát triển

đối với mọi quốc gia, dù lớn hay nhỏ. Có độc lập tự chủ mới có thể chủ động tham gia, lựa chọn sự tham gia để đáp ứng được lợi ích quốc gia dân tộc của mình. Ngược lại, đất nước không thể phát triển tốt, phát huy được tiềm năng và lợi thế so sánh, phát huy nội lực, tranh thủ nguồn lực bên ngoài nếu không có quan hệ hợp tác sâu rộng với quốc quốc tế. Nói tóm lại, độc lập, tự chủ là tiền đề, là điều kiện để hội nhập quốc tế và hội nhập quốc tế tạo điều kiện cho đất nước phát triển tốt hơn, có điều kiện bảo đảm cho độc lập tự chủ. Hội nhập quốc tế còn tạo ra môi trường hoà bình, ổn định cho phát triển.

Trong cương lĩnh và văn kiện của Đảng ta mối quan hệ biện chứng giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế được thể hiện rất rõ. Đây chính là cơ sở để phát triển chính sách đối ngoại Việt Nam trong suốt những năm đổi mới vừa qua. Một trong các bài học được rút ra từ Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) đã chỉ rõ mối quan hệ này, cụ thể là: “Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước



Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc, Chủ tịch ASEAN 2020 phát biểu tại Hội nghị tổng kết năm Việt Nam Chủ tịch ASEAN 2020 _ Ảnh: TTXVN

với sức mạnh quốc tế, trong bất cứ hoàn cảnh nào cần kiên định ý chí độc lập, tự chủ và nêu cao tinh thần hợp tác quốc tế, phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực”¹. Trong phần những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại cương lĩnh cũng nêu rõ: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế

của đất nước; vì lợi ích quốc gia dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”².

Rõ ràng mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế được thể hiện rất cụ thể trong cương lĩnh của Đảng, mối quan hệ này còn được thể hiện trong các nội dung của chính sách đối ngoại nói chung và được cụ

thể hóa nội hàm của nó trong từng nội dung và điều kiện cụ thể. Đây là cơ sở, nền tảng xây dựng chính sách đối ngoại của đất nước chúng ta trong suốt những năm sau này.

Trong Báo cáo chính trị Đại hội XI của Đảng cũng nêu rõ đường lối đối ngoại của Việt Nam thể hiện mối quan hệ biện chứng giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế, nội dung cần thực hiện: “Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”... “Đặc biệt, chú trọng xử lý và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn: quan hệ giữa đối mới, ổn định và phát triển... giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế”³. Trong các văn kiện Đại hội XII, XIII đều tiếp tục khẳng định những nội dung nêu trên, cụ thể hóa mối quan hệ độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế cho từng thời kỳ phát triển của đất nước. Trong Báo cáo chính trị Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ

bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”⁴. Đồng thời, Báo cáo chính trị cũng nhấn mạnh bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Đảng và sự quản lý tập trung của nhà nước với các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh đối ngoại song phương với nâng tầm đối ngoại đa phương. Chủ động tham gia và phát huy vai trò của Việt Nam tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN, Liên hợp quốc, APEC, hợp tác tiểu vùng Mê Công và các khuôn khổ hợp tác khu vực và quốc tế, trong những vấn đề và các cơ chế quan trọng có tầm chiến lược, phù hợp với yêu cầu, khả năng và điều kiện cụ thể. Đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác song phương với các đối tác, đặc biệt là với các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và các đối tác quan trọng khác, tạo thế đan xen lợi ích và gia tăng độ tin cậy. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, giải quyết tốt mối

quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả vì lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo đảm độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia.

Nói tóm lại, trong đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng ta thể hiện qua cương lĩnh và các văn kiện, Nghị quyết của Đảng đều thể hiện quan điểm chỉ đạo xuyên suốt trong chính sách đối ngoại của Đảng là mối quan hệ biện chứng giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Mối quan hệ này được cụ thể hóa qua từng giai đoạn phát triển của đất nước, phù hợp điều kiện, bối cảnh phát triển cụ thể trên cơ sở của nguyên tắc lấy lợi ích quốc gia dân tộc là trên hết, bảo đảm hội nhập quốc tế luôn dựa trên nguyên tắc giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, hội nhập vì lợi ích đất nước, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ và văn minh. Quá trình này cũng thể hiện sự phát triển của cả nhận thức và thực tiễn từ chú trọng hội nhập kinh tế đến hội nhập toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, trong đó hội nhập kinh

tế là trọng tâm, hội nhập trên các lĩnh vực khác là điều kiện và hỗ trợ cho hội nhập kinh tế. Từ hội nhập đơn tuyến sang đa tuyến trên tất cả các cấp độ song phương, khu vực và toàn cầu.

2. Thực tiễn và kết quả thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ trong hội nhập quốc tế của Đảng và nhà nước ta

Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đến nay Việt Nam đã hội nhập ngày càng sâu rộng vào khu vực và thế giới. Quá trình này đã thu được những kết quả hết sức to lớn, góp phần quan trọng vào những thành tựu to lớn trong công cuộc đổi mới. Điều đó cho thấy chủ trương đúng đắn, chủ động tích cực hội nhập quốc tế của Đảng và nhà nước ta. Trong quá trình triển khai chính sách đối ngoại với mục tiêu bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi. Mối quan hệ giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế được quán triệt xuyên suốt trong mọi chính sách và hành động. Kết quả là ta đã từng bước hội nhập một cách sâu rộng vào khu vực và thế giới. Năm 1990 Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại

giao với Liên minh châu Âu, năm 1995 chúng ta đã bình thường hóa quan hệ với Mỹ, gia nhập ASEAN, ký Hiệp định khung hợp tác với Liên minh châu Âu và làm đơn gia nhập tổ chức thương mại thế giới. Năm 2000, Việt Nam ký Hiệp định thương mại song phương với Hoa Kỳ. Việc ký Hiệp định này có ý nghĩa hết sức quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển đầu tư, thương mại và tăng trưởng của nền kinh tế nước ta. Đến năm 2007 Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của tổ chức thương mại thế giới. Cùng với quá trình hội nhập khu vực và toàn cầu Việt Nam cũng đã tăng cường hợp tác song phương, triển khai mạnh mẽ quan hệ hợp tác với các đối tác quan trọng, nhất là xây dựng khuôn khổ đối tác chiến lược và đối tác toàn diện. Năm 2001 ta đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược đầu tiên với Nga, với Ấn Độ năm 2007, với Trung Quốc ta thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện năm 2008, với Nhật Bản, Tây Ban Nha và Hàn Quốc năm 2009, với Anh năm 2010 và cũng trong năm này ta ký với Hà Lan đối tác chiến lược theo lĩnh vực biến đổi khí hậu và năm 2014 ta ký bổ sung đối tác chiến

lược với Hà Lan trong lĩnh vực nông nghiệp, an ninh lương thực, với Đức năm 2011 và với Đan Mạch đối tác chiến lược trong lĩnh vực biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh, môi trường, năm 2012 ta ký với Nga đối tác chiến lược toàn diện, với Indonesia, Singapore, Thái Lan, Pháp, Italia năm 2013, năm 2014 ta ký với Nhật Bản Hiệp định đối tác chiến lược sâu rộng với Malaysia và Philipines năm 2015, năm 2016 ta ký với Ấn Độ đối tác chiến lược toàn diện, với Australia năm 2018. Ngoài ra, ta ký Hiệp định đối tác toàn diện với một loạt nước: năm 2004 hợp tác phát triển với Nam Phi, 2005, Hợp tác nhiều mặt với Mỹ, 2007 đối tác toàn diện với Venezuela, Chile, Brazil, 2009 với New Zealand, 2010 với Argentina, 2011 với Ucraina, 2013 quan hệ đối tác toàn diện với Mỹ và năm 2017 với Myanmar và Canada. Nhìn chung, các đối tác chiến lược và đối tác toàn diện mà Việt nam ký kết đều là những đối tác quan trọng với lợi ích cả về kinh tế, chính trị và đối ngoại nói chung. Việt Nam là nước duy nhất trong ASEAN đã thiết lập khuôn khổ đối tác chiến lược và đối tác chiến lược toàn diện với toàn bộ 5 nước thành

viên Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, toàn bộ nhóm nước G7 và 13/20 nước G20 và 8/9 nước trong ASEAN. Các đối tác này chiếm 8/10 thị trường xuất khẩu chính, với 60,7% tổng giá trị xuất khẩu; 9/10 thị trường nhập khẩu chính với 74,7% tổng giá trị nhập khẩu, 76,7% tổng lượng khách du lịch; đóng góp 74% tổng vốn đầu tư nước ngoài tại Việt nam. Trên cơ sở quan hệ đối tác chiến lược và đối tác toàn diện đã ký kết đã góp phần củng cố môi trường hoà bình, hữu nghị hợp tác với các đối tác quan trọng, đặc biệt là với các nước lớn, với các nước láng giềng chung biên giới. Đồng thời, việc thiết lập quan hệ đối tác với các nước lớn, có vai trò quan trọng góp phần giúp chúng ta xử lý tốt quan hệ với các nước lớn, đưa hợp tác trở thành chủ đạo, đồng thời tạo cơ chế và kênh trao đổi giảm thiểu sự khác biệt trong quan hệ với các nước này, tạo điều kiện để tăng cường lòng tin. Thông qua các quan hệ song phương đã được thiết lập đã tạo ra sự đan xen lợi ích, giúp chúng ta tranh thủ được nguồn lực quốc tế để phát triển đất nước. Ngoài ra, thông qua các đối tác quan trọng này đã góp phần nâng cao vị thế của đất nước trên

trường quốc tế, thể hiện thông qua vị trí của ta trong chính sách đối ngoại của các nước cũng như trong các khuôn khổ hợp tác đa phương. Kết quả hội nhập quốc tế của đất nước được thể hiện trên các lĩnh vực cụ thể sau đây:

Về hội nhập kinh tế quốc tế.

Hội nhập kinh tế quốc tế là cơ sở để hội nhập toàn diện trên các lĩnh vực khác. Trong lĩnh vực này chúng ta đã đạt được rất nhiều thành tựu quan trọng. Trên thực tế hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần quan trọng cho sự phát triển nhanh và ổn định của đất nước trong suốt những năm đổi mới vừa qua. Chúng ta đã thúc đẩy xuất nhập khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài, thu hút công nghệ và phương pháp quản trị mới, hiện đại.

Đến nay, hội nhập kinh tế quốc tế đã phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Độ mở của nền kinh tế nước ta hiện nay vào loại cao nhất thế giới với tỷ trọng xuất khẩu trên GDP là hơn 200%. Việt Nam đã tham gia vào hầu hết các hiệp định đa phương thế hệ mới. Cụ thể Việt Nam đã ký kết 16 hiệp định thương mại tự do (FTA),

trong đó có nhiều FTA thế hệ mới. Tháng 3 năm 2018 chúng ta đã chính thức ký kết và phê chuẩn hiệp định Đối tác toàn diện tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), năm 2020 có 3 Hiệp định quan trọng được ký kết và đưa vào thực thi là Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA), Hiệp định đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP), và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Anh (UKVFTA). Với các kết quả hội nhập kinh tế sâu, rộng như vậy đã tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp của Việt Nam mở rộng thị trường, kết nối và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị và mạng lưới sản xuất toàn cầu. Rõ ràng, hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đang chuyển sang giai đoạn phát triển mới cả về chiều rộng, chiều sâu và toàn diện. Với những Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới vừa được ký kết có tính toàn diện, quy mô rộng, mức độ cam kết cao, điều chỉnh toàn bộ các lĩnh vực, trong đó bao hàm nhiều nội dung mới như thương mại điện tử, phát triển bền vững, các biện pháp sau biên giới, đồng bộ chính sách, giải quyết chính sách giữa nhà đầu tư và nhà

nước đem lại rất nhiều cơ hội cho phát triển, đồng thời đòi hỏi những nỗ lực trong nước rất cao để có thể đem lại kết quả như mong muốn. Thông qua hội nhập quốc tế, kim ngạch xuất khẩu của nền kinh tế nước ta tăng rất nhanh, từ 1,74 tỷ USD năm 1986 lên 10 tỷ USD năm 1996, 45 tỷ USD năm 2006 và 287,8 tỷ USD năm 2020⁵. Hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần phát huy nội lực, tranh thủ được nguồn lực nước ngoài, đặc biệt là công nghệ và quản trị hiện đại. Thông qua hội nhập quốc tế ta đã thu hút được lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn, góp phần bổ sung nguồn lực trong nước. Nguồn vốn FDI thu hút vào nước ta tăng rất nhanh, từ 428,5 triệu USD năm 1991 lên 4 tỷ USD năm 2006 và 20 tỷ USD năm 2020⁶. Năm 2020 đã có 112 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Việt Nam, trong đó, dẫn đầu là Singapore, Hàn Quốc, Trung Quốc và Nhật Bản. Đồng thời, hội nhập quốc tế cũng là áp lực giúp đẩy mạnh cải cách mạnh mẽ trong nước để bảo đảm điều kiện hội nhập thành công và hiệu quả. Hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần tạo ra tốc độ tăng trưởng cao của Việt Nam, góp phần đưa kim ngạch

xuất nhập khẩu tăng liên tục trong nhiều năm qua, góp phần chuyển dịch cơ cấu xuất nhập khẩu theo hướng chất lượng hơn. Tuy nhiên, quá trình đổi mới, hội nhập quốc tế cũng cho thấy cần phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Đặc biệt, qua những cuộc khủng hoảng, hoặc những biến động của thế giới cho thấy để hội nhập thành công phải có nội lực mạnh, đồng thời phải đa phương hóa, đa dạng hóa các đối tác, các thị trường để tránh những rủi ro và lệ thuộc. Kinh nghiệm thu hút đầu tư nước ngoài cũng cho thấy cần phải nhận thức sâu sắc hiệu quả của thu hút đầu tư, nhất là giai đoạn hiện nay, phải bảo đảm thu hút được công nghệ cao, công nghệ sạch và làm tốt việc chuyển giao công nghệ cũng như gắn kết giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực chính trị.

Hội nhập quốc tế về chính trị được thực hiện tương đối nhanh, sâu rộng. Chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, Việt Nam là bạn là đối tác tin cậy, là thành

viên tích cực và có trách nhiệm đã tạo ra sự phát triển mạnh mẽ hội nhập của Việt Nam với các đối tác, nhất là các đối tác chiến lược. Từ một nước bị bao vây cấm vận với chính sách đối ngoại đúng đắn, giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế Việt Nam đã nhanh chóng thiết lập quan hệ hợp tác với các nước và các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng. Chúng ta đã thiết lập quan hệ ngoại giao với hầu hết các nước trên thế giới. Trên nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Đồng thời, chúng ta đã chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN, Liên hợp quốc và các tổ chức khu vực quan trọng. Hợp tác đa phương theo phương châm chủ động, tích cực tham gia, nhất là vào quá trình xây dựng và định hình các quy tắc và luật lệ mới, phát huy vai trò của Việt Nam tại các cơ chế đa phương. Việc tham gia các cơ chế đa phương một cách tích cực chủ động là để trực tiếp bảo đảm các lợi ích an ninh, phát triển và vị thế của đất nước. Năm 2020 Việt Nam với vai trò là Chủ tịch ASEAN và là Ủy viên không thường

trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc Việt Nam đã thể hiện rất tốt vai trò của mình, có đóng góp quan trọng vào sự phát triển chung của khu vực và thế giới. Với thế và lực trong nước tăng lên cùng với chính sách đối ngoại chủ động, tích cực và hiệu quả vị thế của Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế. Như Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng thường nói chưa bao giờ chúng ta có được vị thế quốc tế như ngày hôm nay.

Hội nhập trong lĩnh vực văn hóa xã hội.

Cùng với sự hội nhập nhanh, sâu rộng và toàn diện trong lĩnh vực kinh tế, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa - xã hội cũng có những bước phát triển quan trọng. Hội nhập với tốc độ cao hơn, toàn diện hơn, đa dạng về hình thức, phương thức, đối tác và chất lượng hội nhập ngày càng nâng cao. Việt Nam đã ký hơn 100 thỏa thuận, điều ước quốc tế song phương có nội dung văn hóa, đã thu hút bạn bè quốc tế đến với Việt Nam ngày càng nhiều. Các hình thức giao lưu văn hóa, phim ảnh, thời trang... của Việt Nam với quốc tế ngày càng nhiều. Thông qua hội nhập văn hóa cũng là cơ hội

để Việt Nam quảng bá đất nước, con người, văn hóa Việt Nam và tiếp thu giá trị văn hóa các nước. Nhờ có hội nhập mạnh mẽ về văn hóa mà bạn bè quốc tế đến Việt Nam ngày càng nhiều. Trong suốt nhiều năm vừa qua, khách du lịch đến Việt Nam đều tăng với tốc độ cao, góp phần cả về phát triển kinh tế và văn hóa, xã hội. Cũng từ thành công của hội nhập trong lĩnh vực này đưa tới việc hình thành nhiều dự án, nhiều công trình văn hóa tại Việt Nam với quy mô ngày càng được mở rộng, tạo điều kiện để nhân dân ta có cơ hội tiếp cận và thưởng thức những giá trị văn hóa tiêu biểu của nhiều quốc gia trên thế giới, từ đó thúc đẩy tiềm năng sáng tạo của nhân dân và khuyến khích giao lưu với cộng đồng quốc tế. Nguồn lực và động lực về văn hoá- xã hội được tăng cường sẽ là yếu tố quan trọng để chúng ta giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Đồng thời, hội nhập quốc tế cũng tạo công ăn việc làm, góp phần giảm nghèo bền vững ở Việt Nam. Sau 35 năm đổi mới và hội nhập, tỷ lệ nghèo giảm mạnh. Theo số liệu thống kê, tỷ lệ nghèo giảm mạnh từ gần 60% vào năm 1993 xuống còn 37,4% năm 1998,

xuống còn 13,4% năm 2008 và đến năm 2016 chỉ còn 5,8%.

Hội nhập trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh.

Thực hiện chính sách hội nhập quốc tế toàn diện, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực quốc phòng an ninh của chúng ta thời gian qua cũng không ngừng được phát triển và mở rộng. Hội nhập quốc phòng - an ninh vừa phục vụ cho sự nghiệp phát triển đất nước vừa góp phần bảo vệ độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia trong bối cảnh mới. Việt Nam đã chuyển từ chủ trương tham dự, sang phát huy vai trò thành viên có trách nhiệm trên nhiều diễn đàn khu vực và toàn cầu. Nội dung hội nhập quốc tế để giữ nước từ xa, từ sớm, giữ nước từ khi “nước còn chưa nguy”. Việt Nam đã từng bước mở rộng hợp tác quốc phòng - an ninh với các nước lớn và các nước trong khu vực. Việt Nam đã đẩy mạnh thực hiện các cơ chế đối thoại Quốc phòng - An ninh, giao lưu biên phòng với các nước láng giềng như Trung Quốc, Lào, Campuchia, trao đổi hữu nghị của tàu hải quân được đẩy mạnh. Đến nay, Việt Nam đã có quan hệ quốc phòng chính thức với gần 70 nước, đặt văn

phòng tùy viên quân sự tại hơn 30 nước và hơn 40 nước có văn phòng tùy viên quân sự tại Việt Nam. Việt Nam cũng đã tham gia tích cực vào các diễn đàn an ninh quốc phòng khu vực và từng bước tham gia vào các hoạt động hợp tác quốc tế về an ninh quân sự toàn cầu. Việt Nam đã hợp tác huấn luyện đào tạo với Nga và Australia, Ấn Độ, hợp tác điều tra và hợp tác trong khuôn khổ Tổ chức cảnh sát quốc tế (INTERPOL) với Nhật Bản, Hàn Quốc... Việt Nam cũng đã tham gia các hoạt động gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc. Việt Nam đã gửi các sỹ quan thông tin đến các Phái bộ gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc tại Cộng hoà Trung Phi, Nam Xu Đăng và tiếp theo đó đã triển khai các bệnh viện dã chiến cấp 2 và công binh. Như vậy, Việt Nam không chỉ giữ vững độc lập chủ quyền của Tổ quốc mà còn chủ động, tích cực đóng góp vào việc duy trì hoà bình, an ninh quốc tế.

Tóm lại, Chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ trong hội nhập quốc tế là chính sách nhất quán trong đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Về mặt lý luận đây là mối quan hệ biện chứng, tất yếu, khách quan, bất

kỳ quốc gia nào muốn hội nhập quốc tế thành công đều phải vận dụng hợp lý mối quan hệ này. Chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta trong suốt những năm đổi mới vừa qua đã thể hiện nhất quán và từng bước cụ thể nội dung của chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ trong hội nhập quốc tế cho từng giai đoạn phù hợp với bối cảnh nhất định. Đó cũng là quá trình phát triển quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Thực tiễn triển khai và kết quả đạt được sau 35 năm đổi mới cho thấy chính sách đối ngoại trên là hoàn toàn đúng đắn và khoa học. Hội nhập quốc tế của Việt Nam đã phát triển nhanh chóng cả về chiều rộng và chiều sâu. Đến nay Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với hầu hết các nước trên thế giới, xây dựng đối tác chiến lược và đối tác toàn diện với nhiều nước, trong đó có nhiều nước lớn, có vị trí và tầm ảnh

hưởng quan trọng của thế giới và khu vực. Việt Nam cũng tham gia vào hầu hết các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng và thực sự có nhiều đóng góp quan trọng và có trách nhiệm trong những tổ chức này. Quá trình đó, Việt Nam cũng đã từng bước hội nhập toàn diện trên tất cả các lĩnh vực như chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và quốc phòng - an ninh. Trong đó hội nhập kinh tế là nòng cốt, là cơ sở, hội nhập trong các lĩnh vực khác là toàn diện và bổ sung cho hội nhập kinh tế quốc tế. Hội nhập quốc tế đã góp phần quan trọng vào những thành tựu to lớn có ý lịch sử của đất nước trong 35 đổi mới vừa qua. Những thành tựu to lớn trong hội nhập quốc tế nói riêng, trong công cuộc đổi mới của Việt Nam nói chung thực sự là những luận cứ xác đáng nhất để bác bỏ những luận điệu sai trái, thù địch về lĩnh vực này ■

^{1,2,3} ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.66, 83-84, 187.

⁴ ĐCSVN: Báo cáo chính trị Đại hội Đảng XIII, tr.49.

^{5,6} Nguồn Tổng cục Thống kê

BỊA ĐẶT, BÔI NHỌ ĐỜI TƯ CỦA CÁN BỘ LÃNH ĐẠO - MỘT THỦ ĐOẠN THÂM ĐỘC CỦA CÁC THỂ LỰC CHỐNG ĐỐI, THÙ ĐỊCH

● PGS, TS NGUYỄN VĂN THẠO

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

1. Nhận diện thủ đoạn, mục đích và sự nguy hại của việc tung tin bịa đặt, bôi nhọ đời tư lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước

Để chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa, sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, đất nước ta, các thế lực chống đối, thù địch không từ một thủ đoạn nào, một lĩnh vực nào, từ xuyên tạc, phê phán, bôi nhọ, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đánh thẳng vào nền tảng tư tưởng của Đảng, tới phê phán, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, kết quả, thành tựu phát triển của đất nước; thổi phồng, xuyên tạc những hạn chế, khuyết điểm trong lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước; bịa đặt, vu cáo những vấn đề về dân chủ,

nhân quyền... để bôi nhọ, làm mất uy tín của Đảng, Nhà nước, chia rẽ nhân dân với Đảng, Nhà nước, kích động hoạt động chống đối Đảng, Nhà nước trong xã hội. Trong các hoạt động chống phá đó, có việc đưa ra những thông tin bịa đặt, xuyên tạc, vu cáo, bôi nhọ đời tư của lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước. Đây là một hoạt động, một thủ đoạn chống phá hết sức xấu xa, thâm độc và nguy hiểm.

Việc chống phá bằng thông tin bịa đặt, bôi nhọ đời tư lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước của các phần tử chống đối, thù địch được thực hiện hết sức đa dạng, từ những lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước ở các thời kỳ trước đây đến lãnh đạo cấp cao Đảng, Nhà nước hiện nay; từ bịa đặt, bôi nhọ

về nguồn gốc xuất thân, gia đình, ông bà, bố mẹ tới bản thân người cán bộ; từ quá trình trưởng thành, học hành kém cỏi, thành tích bất hảo, tư cách đạo đức yếu kém trong những năm

tuổi trẻ đến việc được nâng đỡ, ưu ái khuất tất của những người có chức, có quyền đối với cán bộ trong quá trình công tác; từ năng lực kém cỏi, dốt nát, không chịu học hỏi, không biết lắng nghe đến suy thoái đạo đức, lối sống, tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch, quan hệ nam nữ bất chính, quan hệ “thân hữu” với các doanh nghiệp “sân sau” để vợ, con, anh em trong gia đình, họ hàng lợi dụng, trục lợi đến việc có khối lượng tài

sản lớn, nhiều nhà, nhiều đất, nhiều cổ phần, cổ phiếu, nhiều tiền, vàng gửi ở ngân hàng trong nước và nước ngoài, mà nguồn gốc của những tài sản đó không thể giải thích được, chỉ có thể có được từ tham nhũng, chiếm đoạt tài

sản của Nhà nước, của xã hội... tức là tất cả những gì xấu xa của con người, có trong xã hội, ở chỗ này, chỗ kia, ở người này, người kia, được gộp lại, gán ghép cho một người để bôi nhọ, làm mất uy tín của họ.

Việc chống phá bằng thông tin bịa đặt, bôi nhọ đời tư lãnh đạo cấp cao Đảng, Nhà nước của các phần tử chống đối, thù địch được thực hiện hết sức đa dạng, từ những lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước ở các thời kỳ trước đây đến lãnh đạo cấp cao Đảng, Nhà nước hiện nay; từ bịa đặt, bôi nhọ về nguồn gốc xuất thân, gia đình, ông bà, bố mẹ tới bản thân người cán bộ...

Tung ra những thông tin bịa đặt, bôi nhọ đời tư của lãnh đạo cấp cao Đảng, Nhà nước là việc các thế lực chống đối, thù địch thực hiện thường xuyên, liên tục, gắn liền với việc phê phán, xuyên tạc nền tảng tư tưởng, chủ trương, đường lối của Đảng, thành tựu phát triển của đất nước, xem những người lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước là nguyên nhân, là người phải chịu trách nhiệm về những yếu kém của đất nước, của những hiện

tượng xấu diễn ra trong xã hội. Nhưng, đồng thời, những hoạt động chống phá này đặc biệt tăng lên vào những dịp có những ngày kỷ niệm lớn, sự kiện lớn của Đảng, của đất nước, như thời gian kỷ niệm ngày thành lập Đảng, thành lập

Nước, khi tổ chức Đại hội Đảng toàn quốc bầu các chức danh lãnh đạo cấp cao của Đảng, khi bầu cử Quốc hội, Quốc hội bầu các chức danh lãnh đạo cấp cao của Nhà nước... để làm mất uy tín cán bộ, gây rối nội bộ, gây khó khăn cho công tác lựa chọn cán bộ cấp cao của Đảng, Nhà nước, phá hoại thành công của Đại hội Đảng, của bầu cử và các kỳ họp của Quốc hội...

Mục đích trực tiếp của thông tin bịa đặt, xuyên tạc, vu cáo về đời tư của lãnh đạo cấp cao Đảng, Nhà nước là bôi nhọ, làm mất uy tín những cán bộ này, nhưng sâu xa hơn, nguy hiểm hơn là bôi nhọ, làm mất uy tín của Đảng, Nhà nước; gây rối, chia rẽ nội bộ, phá hoại công tác tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng, Nhà nước; phá hoại, làm giảm lòng tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước, chia rẽ nhân dân với Đảng, Nhà nước, nuôi dưỡng, kích động tâm lý chống đối Đảng, Nhà nước trong xã hội để cuối cùng là xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa, thay đổi chế độ chính trị ở nước ta. Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước là những người đại diện cho Đảng, Nhà nước, những người đã qua rèn luyện, thử thách, tiêu biểu cho hàng

triệu cán bộ, đảng viên cả về trí tuệ, năng lực, phẩm chất đạo đức, về uy tín trong Đảng, trong nhân dân, là nòng cốt, trụ cột trong tổ chức Đảng, Nhà nước. Bảo vệ sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo cấp cao, cấp chiến lược là yếu tố sống còn, gắn liền với sự tồn vong của Đảng. Lòng tin của nhân dân, sự gắn bó, ủng hộ của nhân dân đối với Đảng là nền móng vững chắc của chế độ ta. Chính vì vậy, bịa đặt, vu cáo, xuyên tạc để bôi nhọ đời tư, phá hoại uy tín của những cán bộ lãnh đạo này, hạ bệ thần tượng, là một thủ đoạn thâm độc mà các thế lực chống đối, thù địch luôn đặc biệt chú ý, làm việc này là đánh thẳng vào một trong những “huyệt đạo” quan trọng, liên quan tới vận mệnh của Đảng, của đất nước, đánh thẳng vào yếu tố nền tảng của xã hội, của chế độ.

Mọi thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch đều nguy hại đối với đất nước, đối với chế độ. Nhưng tùy theo nội dung, lĩnh vực chống phá, đối tượng, phạm vi và mức độ tác động mà mức độ nguy hại của các thủ đoạn chống phá có khác nhau. Trong đó, chống phá bằng thủ đoạn bịa đặt, vu

cáo, bôi nhọ đời tư lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước là một trong những thủ đoạn chống phá có tác động nguy hại cao. Khi các thế lực thù địch, chống đối vu cáo Đảng, Nhà nước ta vi phạm dân chủ, nhân quyền thì tác động chính là bôi nhọ, làm giảm uy tín của đất nước ta trên thế giới, khả năng, phạm vi, mức độ tác động đến các tầng lớp nhân dân có mức độ, khó thuyết phục được tuyệt đại đa số nhân dân ta. Khi họ thổi phồng, khoét sâu vào những hạn chế, yếu kém, phủ nhận những thành tựu của đất nước, phê phán một chủ trương, đường lối, chính sách cụ thể nào đó của Đảng, Nhà nước thì họ cũng chỉ tác động được đến một số người, một bộ phận nào đó trong xã hội. Ngay cả khi họ tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng, phê phán, đòi loại bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, từ bỏ mục tiêu xã hội chủ nghĩa, đòi thực hiện tam quyền phân lập, phát triển xã hội dân sự (những vấn đề hệ trọng của Đảng, của đất nước), thì cũng chỉ có thể tác động, thu hút được sự quan tâm của một số người, nhất là trong tầng lớp trí thức. Nhưng khi họ bịa đặt, bôi nhọ lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước thì chắc

chắn thu hút được sự quan tâm của toàn xã hội, của đông đảo các tầng lớp nhân dân, nhất là khi trong xã hội, trong các tầng lớp nhân dân đã vốn có sẵn những bức xúc, có tâm lý bất bình với tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, với tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, những người có chức có quyền. Truyền thống của dân tộc ta là đề cao, coi trọng phẩm chất đạo đức, nhân dân ta không thể chấp nhận những người lãnh đạo đất nước mà suy thoái đạo đức, quan liêu, tham nhũng, lãng phí... như những bịa đặt, vu cáo, bôi nhọ của các thế lực chống đối, thù địch. Mức độ nguy hại của thủ đoạn chống phá này của các thế lực thù địch, do đó, là rất lớn.

Thủ đoạn chống phá bằng cách tung tin bịa đặt, bôi nhọ lãnh đạo cấp cao Đảng, Nhà nước của các thế lực chống đối, thù địch không phải là mới, không phải bây giờ mới có. Tuy nhiên, từ khi có Internet, có các trang mạng xã hội, thì hoạt động chống phá này tăng lên nhiều, phạm vi tác động, mức độ nguy hại mà nó gây ra, do đó, cũng tăng lên. Internet, các mạng xã hội tạo điều kiện cho mọi người có thể tạo ra các sản

phẩm thông tin, thể hiện quan điểm của mình để trao đổi với mọi người, cũng như thể hiện ý kiến của mình về những quan điểm của người khác, tạo nên những hiệu ứng tích cực. Tuy nhiên, Internet, các mạng xã hội cũng tạo cơ hội cho những người xấu, vì nhiều nguyên nhân, nhiều động cơ, mục đích khác nhau đưa ra, lan truyền những thông tin sai sự thật, bịa đặt, vu cáo, xuyên tạc, lừa đảo mà họ có thể ẩn danh, mạo danh để trốn tránh trách nhiệm, trốn tránh sự phê phán, lên án của cộng đồng, của dư luận xã hội, trốn tránh sự trừng phạt của pháp luật. Trong khi đó, những thông tin bịa đặt, xuyên tạc của họ được phát tán, lan truyền rất nhanh, rất rộng, có thể tới từng người, từng nhà, tất cả các tầng lớp xã hội, ở tất cả các vùng, miền, từ thành phố tới nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo, kể cả ra nước ngoài, tới cộng đồng quốc tế, hết sức nguy hại.

2. Thông tin bịa đặt, bôi nhọ lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước là thủ đoạn xấu xa, cần phải lên án mạnh mẽ về mặt đạo đức

Nhân vô thập toàn, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức của Đảng, Nhà nước nói chung, kể cả cán bộ lãnh

đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước nói riêng, không thể nào không có khuyết điểm, sai lầm. Vấn đề là phải hạn chế tối đa việc để xảy ra những sai lầm, khuyết điểm này, nếu xảy ra phải được phát hiện, sửa chữa, khắc phục kịp thời, hạn chế tối đa ảnh hưởng, tác động tiêu cực của nó. Đảng, Nhà nước có điều lệ, quy định của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước, có nhiều cơ chế, cách thức để làm việc này, để giám sát, thanh tra, kiểm tra hoạt động của cán bộ, đảng viên, nhắc nhở, cảnh cáo, ngăn ngừa sai phạm và xử lý sai phạm khi đã phát sinh. Đồng thời, Đảng, Nhà nước có cơ chế động viên, khuyến khích nhân dân, các tổ chức xã hội giám sát hoạt động của các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức để tham gia, đóng góp vào công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước. Trong khi đó, việc tung tin bịa đặt, vu cáo để bôi nhọ đời tư của lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước hoàn toàn khác về bản chất, về nội dung, động cơ, mục đích với việc nhân dân giám sát, phát hiện cho Đảng, Nhà nước về những hạn chế yếu kém, sai phạm, sự suy thoái tư tưởng đạo đức,

lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức các cấp, kể cả cán bộ cấp cao, để góp phần xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Nội dung mà họ tung ra là do họ bịa đặt, hư cấu, tạo dựng chỉ để thực hiện mục đích là bôi nhọ, làm mất uy tín cán bộ, chống phá Đảng, Nhà nước.

Bịa đặt, hư cấu, tạo dựng những thông tin về đời tư của một người để xúc phạm, bôi nhọ danh dự của một người khác, dù người đó là ai, đều là việc làm xấu xa, trái với đạo đức truyền thống của dân tộc ta, nhân dân ta, phải bị lên án. Uy tín, danh dự là giá trị, tài sản mà mỗi người đều muốn tạo dựng, giữ gìn. Bịa đặt, vu cáo, đặt điều, gán cho một người lương thiện làm những việc xấu xa để bôi nhọ, hạ uy tín là xúc phạm nhân phẩm, làm nhục người khác. Việc này có thể dẫn đến hủy hoại sự nghiệp, giết chết một con người lương thiện, hủy hoại cuộc sống của một gia đình, thậm chí của cả một

gia tộc, ảnh hưởng đến lòng tin, sự kính trọng của con cái đối với cha mẹ, tạo nên mặc cảm tội lỗi của những người thân của cán bộ bị bôi nhọ trước mọi người... Khi không thể thanh minh nổi, không thể tự bảo vệ được mình, không

Bịa đặt, hư cấu, tạo dựng những thông tin về đời tư của một người để xúc phạm, bôi nhọ danh dự của một người khác, dù người đó là ai, đều là việc làm xấu xa, trái với đạo đức truyền thống của dân tộc ta, nhân dân ta, phải bị lên án. Uy tín, danh dự là giá trị, tài sản mà mỗi người đều muốn tạo dựng, giữ gìn.

ít trường hợp, người bị bôi nhọ phải bỏ quê hương, nơi ở cũ để đến nơi ở mới, bắt đầu lại cuộc đời. Khi người bị vu cáo, bôi nhọ không chỉ là người tốt, người lương thiện mà còn là lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước thì hậu quả, nạn nhân của nó không chỉ là cá nhân, gia đình, mà cả xã hội, cả đất nước. Người lương thiện, có đức, có tài vì bị bôi nhọ, vu cáo, có thể bị loại ra khỏi vị trí

lãnh đạo, mà thay vào đó có thể là người không xứng đáng bằng, nếu không bị loại khỏi vị trí lãnh đạo thì khi uy tín bị sút mẻ, không thể không ảnh hưởng tới hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo. Một người, mới ngày hôm qua, còn là người được xã hội kính trọng, ngưỡng mộ, ngày hôm sau, trên hệ thống mạng lan truyền

những thông tin về những việc làm xấu xa của người ấy, mà thực chất là bịa đặt, vu cáo nhưng được tính toán, dàn dựng tinh vi, tỉ mỉ, nhất định sẽ làm nhiều người hoang mang, lo lắng, mất lòng tin vào con người, vào xã hội, vào Đảng, Nhà nước. Hình ảnh của đất nước trong mắt bạn bè quốc tế cũng bị tổn thương. Đây là những mất mát vô hình nhưng rất lớn, nghiêm trọng.

Tôn trọng, đề cao đạo đức cũng là phẩm chất, truyền thống của hầu hết các dân tộc trên thế giới, từ cổ đại cho đến hiện đại. Ngày nay, ở các nước kinh tế phát triển trên thế giới, những nước là khởi nguồn của Internet, các mạng xã hội, có hệ thống pháp luật lâu đời, mặc dù đề cao tự do cá nhân, đề cao tự do ngôn luận, nhưng ở những nước này, quyền riêng tư, những bí mật cá nhân vẫn được tôn trọng, bảo vệ. Những cá nhân đưa tin sai sự thật, bịa đặt, xuyên tạc, vu cáo để bôi nhọ người khác, xâm phạm quyền riêng tư của người khác tùy theo mức độ có thể bị xử lý bằng pháp luật; nếu không bị xử lý bằng pháp luật thì cũng bị xã hội lên án về đạo đức; còn những trang mạng không thể kiểm soát, ngăn chặn những hành vi như vậy cũng bị Nhà nước nhắc nhở, bị xã hội

phản đối, tẩy chay. Như vậy, dù đánh giá dưới góc độ nào thì việc bịa đặt, bôi nhọ đời tư của lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước cũng đều phải khẳng định là việc làm xấu xa, cần phải lên án về mặt đạo đức. Do đó, rất cần tạo ra dư luận xã hội phê phán, lên án mạnh mẽ việc làm này của các thế lực chống đối, thù địch để cảnh báo, ngăn chặn, để nâng cao ý thức cảnh giác, nâng cao sức đề kháng của mỗi người dân trước những thủ đoạn chống phá này.

3. Tung tin bịa đặt, bôi nhọ đời tư lãnh đạo cấp cao Đảng, Nhà nước là hành vi vi phạm pháp luật, cần phải xử lý nghiêm minh theo pháp luật

Ngày nay, việc tung tin bịa đặt để bôi nhọ một người khác, ở nhiều nước trên thế giới, không chỉ bị phê phán, lên án về mặt đạo đức, mà còn được xác định là hành vi vi phạm pháp luật, tùy theo mức độ nghiêm trọng, nhất là hậu quả do nó gây ra, mà còn bị xét xử theo pháp luật. Ở nhiều nước, những bí mật cá nhân, đời tư, danh dự, uy tín của một con người, một công dân được pháp luật bảo vệ. Công bố, tiết lộ những bí mật đời tư của một người, ngay cả khi điều đó là có thật, nhưng chưa được phép của người đó đã là

hành vi vi phạm pháp luật. Bịa đặt, xuyên tạc, vu cáo để bôi nhọ đời tư của người khác thì mức độ vi phạm pháp luật còn cao hơn, nặng hơn. Đã có rất nhiều phiên tòa xét xử những vụ việc như vậy, rất nhiều người cố ý bịa đặt để bôi nhọ đời tư, bôi nhọ danh dự, uy tín người khác đã bị kết án tù phạt tiền để đền bù danh dự đến phạt tù để răn đe người khác, để người vi phạm pháp luật phải trả giá cho hành vi của mình. Đây là những quy định, là cơ chế cần thiết trong quản lý xã hội để bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền con người, bảo vệ danh dự, phẩm giá của họ.

Để ngăn chặn, chống lại việc bịa đặt, xuyên tạc, vu cáo, bôi nhọ đời tư những người đứng đầu, lãnh đạo đất nước, luật pháp của nhiều nước trên thế giới còn có những quy định chặt chẽ hơn, có những hình phạt nghiêm khắc hơn. Những quốc gia theo thể chế quân chủ lập hiến, như Nhật Bản, Anh, Thái Lan, Campuchia,... Nhật hoàng, Nữ hoàng Anh, nhà vua Thái Lan, Quốc vương Campuchia là người đứng đầu Nhà nước, dù chỉ có tính chất biểu tượng, đều có những quy định của pháp luật nghiêm cấm, trừng

phạt nghiêm khắc những người có lời nói, hành động xúc phạm đến những nhân vật tôn quý này. Đối với những người lãnh đạo, đứng đầu Nhà nước khác, như Tổng thống, Thủ tướng, Chủ tịch Quốc hội..., các nước đều có những quy định của luật pháp bảo vệ, không chỉ bảo vệ an ninh, an toàn thân thể con người, mà bảo vệ cả uy tín, danh dự, đặc biệt trước những điều bịa đặt, vu cáo để bôi nhọ nhân phẩm, để bảo vệ uy tín, bảo vệ tôn nghiêm, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan lãnh đạo đất nước, bảo vệ hình ảnh của đất nước trong cộng đồng quốc tế.

Ở nước ta, Hiến pháp và pháp luật có nhiều điều khoản bảo vệ quyền con người, bảo vệ danh dự, uy tín, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, nghiêm cấm các hành vi bịa đặt, xuyên tạc, vu cáo, bôi nhọ, xâm phạm các quyền này của con người. Hiến pháp (năm 2013) quy định “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn” (Điều 21). Luật Dân sự (2015) quy định “Danh dự, nhân phẩm, uy tín

cá nhân là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ” (Điều 34), “Người nào có hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác thì phải bồi thường” (Điều 584) với mức bồi thường và phương thức bồi thường do Luật định. Luật Hình sự (2015) quy định người nào thực hiện các hành vi “Bịa đặt hoặc loan tin những điều biết rõ là sai sự thật nhằm xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác” là phạm tội vu khống, sẽ bị phạt tiền từ 10 đến 50 triệu, phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 1 năm (Điều 156); nếu mức độ bịa đặt, vu cáo, bôi nhọ là nghiêm trọng thì người bịa đặt, vu cáo, bôi nhọ phạm tội làm nhục người khác, có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm (Điều 155). Khi người bị vu khống, bôi nhọ là lãnh đạo Đảng, Nhà nước, hành vi tung tin bịa đặt, xuyên tạc, vu khống, bôi nhọ được thực hiện với mục đích là chống lại Đảng, chống lại Nhà nước, thì người thực hiện hành vi này phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia theo quy định của Luật hình sự (2015). Điều 117 Luật Hình sự quy định “Người nào có một trong những

hành vi sau đây nhằm chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì bị phạt tù từ 5 năm đến 12 năm: Làm, tàng trữ, phát tán, hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm có nội dung xuyên tạc, phi báng chính quyền; làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu vật phẩm có nội dung bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân. Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng có thể bị phạt tù từ 10 đến 20 năm”..

Những quy định của Hiến pháp, pháp luật như vậy là đúng đắn, phù hợp với văn hóa, đạo đức truyền thống của dân tộc ta, cũng như các dân tộc khác, phù hợp với thông lệ quốc tế, tương đồng với luật pháp của các nước trên thế giới ngày nay. Cùng với công tác tuyên truyền, giáo dục, việc thực hiện nghiêm minh các quy định của Hiến pháp và pháp luật, xử lý nghiêm các hành vi bịa đặt, bôi nhọ đời tư, xúc phạm nhân phẩm, uy tín, danh dự người khác, nhất là lãnh đạo cấp cao Đảng, Nhà nước đã góp phần bảo vệ, phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, giữ vững sự ổn định chính trị, xã hội để phát triển, nâng cao uy tín quốc tế của đất nước ■

HỘI THẢO

“ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC LÝ LUẬN TRONG GIAI ĐOẠN TỚI”

Sáng 3/3, tại Hà Nội, Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức Hội thảo khoa học: “Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với công tác lý luận trong giai đoạn tới”.

Tham dự Hội thảo có đông đảo các chuyên gia, các nhà khoa học trong và ngoài cơ quan Hội đồng Lý luận Trung ương, các cộng tác viên của Hội đồng và đại diện một số ban, bộ, ngành trung ương.

Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, dự và chỉ đạo Hội thảo.

Tại Hội thảo, các ý kiến phát biểu tập trung sâu vào 3 vấn đề: Công tác nghiên cứu lý luận nói chung, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng với công tác lý luận trong thời gian qua những vấn đề đang đặt ra cần giải quyết; bối cảnh

mới, yêu cầu phát triển của đất nước trong 5, 10 năm tới và đến giữa thế kỷ đặt ra những vấn đề gì về phương diện nghiên cứu lý luận mà Hội đồng Lý luận Trung ương cũng như các cơ quan nghiên cứu lý luận của Đảng cần chú ý; sau 25 năm thành lập, Hội đồng Lý luận Trung ương cần được hoàn thiện như thế nào cả về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ để Hội đồng hoạt động có hiệu quả hơn.

Phát biểu tại Hội thảo, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng khẳng định: Đảng ta rất quan tâm đến công tác nghiên cứu lý luận, coi đây là một trong những nhiệm vụ rất quan trọng của công tác xây dựng Đảng. Trong những năm đổi mới, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết chuyên đề rất quan trọng, định hướng và tạo điều kiện cho công tác nghiên cứu lý luận phát triển. Công tác nghiên cứu lý luận của Đảng đã có nhiều đổi mới mạnh mẽ, làm sáng tỏ

nhiều vấn đề thực tiễn và lý luận mới, cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch. Đội ngũ nghiên cứu lý luận ngày càng phát triển trên nhiều lĩnh vực, từng bước đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới.

Suốt 25 năm qua, kể từ khi thành lập, Hội đồng Lý luận Trung ương đã bám sát chỉ đạo của Trung ương, triển khai nhiều hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tư vấn cho Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng, làm cơ sở cho việc xây dựng các văn kiện Đại hội Đảng, nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị... biên soạn các báo cáo chuyên đề phục vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư; là lực lượng nòng cốt tham gia biên soạn các văn kiện Đại hội XIII của Đảng; tham gia bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới và nâng cao lý luận cho các đồng chí Ủy viên Trung ương, đào tạo nguồn cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược của Đảng...

Nhấn mạnh về bối cảnh trong nước

và quốc tế thay đổi nhanh chóng đang đặt ra yêu cầu mới cho công tác nghiên cứu lý luận, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng nêu rõ: Phải tiếp tục đổi mới toàn diện và đồng bộ, nâng cao năng lực sáng tạo, đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, sớm có thể kết luận những vấn đề đã chín, đã rõ, hoàn thiện hệ thống lý luận về đường lối đổi mới về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Như Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ: Cần tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, dự báo chính xác và kịp thời có chủ trương, chính sách, xử lý hiệu quả những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn; giải quyết tốt các mối quan hệ lớn phản ánh quy luật đổi mới và phát triển ở nước ta.

Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng cũng yêu cầu tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động, kiện toàn Hội đồng Lý luận Trung ương trong giai đoạn mới, phát huy tốt hơn vai trò Thường trực Hội đồng, các tiểu ban, các thành viên Hội đồng, Ban Thư ký khoa học, huy động được trí tuệ của đội ngũ các chuyên gia, các nhà nghiên cứu lý luận trong cả nước, tiếp tục đóng góp cho công tác nghiên cứu lý luận của Đảng ■

PV